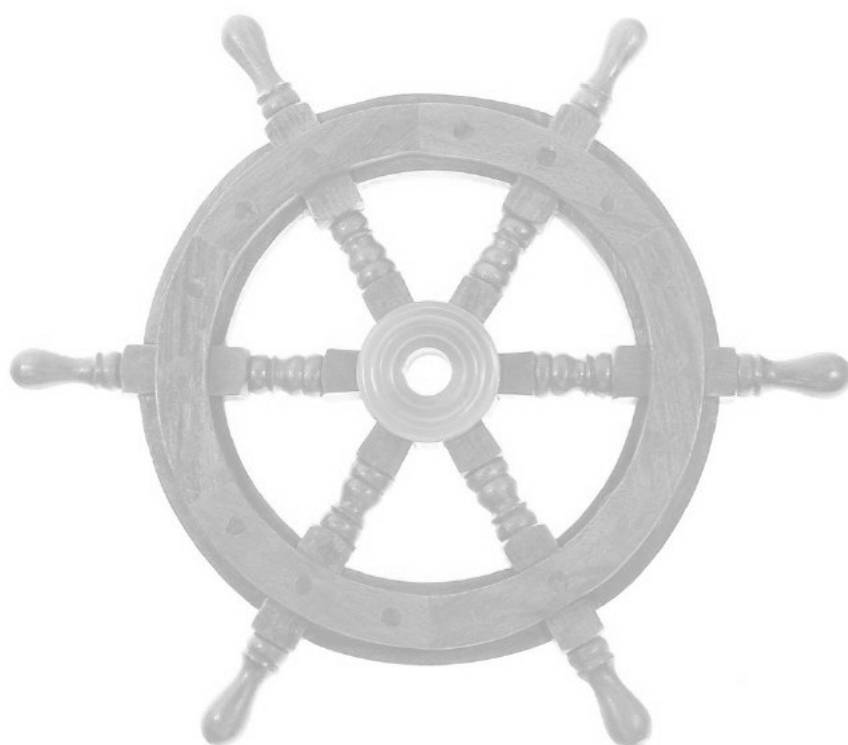




CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SĐT: (08) 3940 4271 Fax: (08) 3940 4711

Email: vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Website: www.vitranschart.com.vn

2016

Báo cáo thường niên



CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM



MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT 01

Thông tin chung 03

Tình hình hoạt động trong năm 19

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc 43

Đánh giá của Hội đồng quản trị 55

Báo cáo tài chính 65

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH & GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị cốt lõi của doanh nghiệp

- ◆ Uy tín về thương hiệu, chất lượng phục vụ và năng lực cạnh tranh;
- ◆ Luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng với phương châm đôi bên cùng có lợi;
- ◆ Đội ngũ cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp;
- ◆ Tuân thủ luật pháp;
- ◆ Kinh doanh bền vững, ứng dụng công nghệ tiên tiến;
- ◆ An toàn cho con người, phương tiện và hàng hóa, bảo vệ môi trường;
- ◆ Văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, gắn bó, hợp tác, chia sẻ;
- ◆ Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, v.v...

Tâm nhìn

Trở thành một trong những Công ty vận tải biển hàng đầu khu vực Đông Nam Á đặc biệt trong lĩnh vực vận chuyển hàng khô rời, là đối tác tin cậy của khách hàng trên khắp thế giới qua việc cung cấp chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn với giá cạnh tranh, liên tục đổi mới và tạo ra sự khác biệt trong các sản phẩm dịch vụ.



Sứ mệnh, tôn chỉ hoạt động

Vitranschart JSC là doanh nghiệp chuyên vận chuyển hàng hoá khắp thế giới bằng đường biển. Với mong muốn đóng góp nhiều hơn vào chuỗi logistics toàn cầu, Công ty còn tham gia hoạt động ở các lĩnh vực về dịch vụ hàng hải khác với chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh. Chúng tôi luôn tin rằng trách nhiệm hàng đầu của mình là không chỉ đáp ứng nhu cầu mà còn đem đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Công ty. Vì thế chúng tôi luôn nỗ lực tái cấu trúc và hiện đại hóa, trẻ hoá đội tàu, xây dựng một hệ thống chất lượng cung cấp dịch vụ vận tải đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi cho các khách hàng. Công ty luôn tìm mọi cách để nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình kinh doanh, củng cố và phát triển thị trường, v.v...



THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị!

Thị trường vận tải biển thế giới năm 2016 tiếp tục gặp khủng hoảng do nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm so với năm 2015. Bên cạnh đó, xu hướng bảo hộ mậu dịch trong năm diễn ra ở rất nhiều quốc gia trên thế giới, cung vẫn ở mức cao so với cầu đã khiến cuộc khủng hoảng của ngành vận tải biển kéo dài sang năm thứ 8 liên tiếp.

Hãng tàu lớn nhất của Hàn Quốc – Hanjin tuyên bố phá sản sau một thời gian phải bù lỗ cho hoạt động kinh doanh đã khiến ngành vận tải biển thế giới rơi vào hỗn loạn, gây ảnh hưởng nặng nề tới chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, cước phí tiếp tục đà giảm do lượng cung quá lớn trong khi lượng hàng hóa tiếp tục khan hiếm, tình hình thời tiết tiếp tục diễn biến bất thường, v.v... đã khiến ngành vận tải biển ngày càng rơi vào tình trạng trầm trọng. Với bề dày kinh nghiệm của mình, quyết tâm cao cùng sự chung sức, đồng lòng, lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty vẫn nỗ lực, đưa ra nhiều nhóm giải pháp hạn chế đến thấp nhất tác động xấu đến Công ty trong bối cảnh vô cùng khó khăn, phấn đấu đạt kết quả cao nhất theo kế hoạch đã đề ra. Dù vậy, do chịu ảnh hưởng nặng nề từ thị trường vận tải biển thế giới, nên kết quả kinh doanh của Công ty năm 2016 vẫn chưa có lãi.

Trong tương lai ngành vận tải biển tiếp tục được dự báo sẽ còn gặp nhiều khó khăn lớn khi mà một số quy định mới của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) thông qua vào tháng 10/2016, từ năm 2020, các hãng tàu biển trên thế giới sẽ phải cắt giảm lượng khí thải sulfur. Điều này đồng nghĩa với việc các hãng sẽ phải chi thêm nhiều tiền để mua nhiên liệu chất lượng cao hơn. Về ngắn hạn, đối với ngành vận tải biển Việt Nam, năm 2017 nhu cầu các loại hàng hóa như thạch cao từ Trung Đông về Việt Nam hoặc than đá từ Indonesia, Úc, v.v... về Việt Nam sẽ có xu hướng tăng cao do nhu cầu sử dụng các nhà máy xi măng và các nhà máy nhiệt điện tăng cao. Đây sẽ là cơ hội tốt nếu các Công ty vận tải biển biết điều chỉnh linh hoạt các chính sách, phương hướng hoạt động phù hợp với tình hình thực tế.

Về phía Công ty, VST sẽ luôn không ngừng nỗ lực để mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, đối tác và cổ đông của Công ty. Với những kinh nghiệm vượt khó của những năm qua, hy vọng rằng năm 2017 sẽ bớt khó khăn hơn.

Xin thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể cán bộ, nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông và khách hàng đối với Ban Lãnh đạo Công ty. Xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng kính chào!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Huỳnh Hồng Vũ



***"Vitraschart JSC vững tin vào một
tương lai tương sáng"***







THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

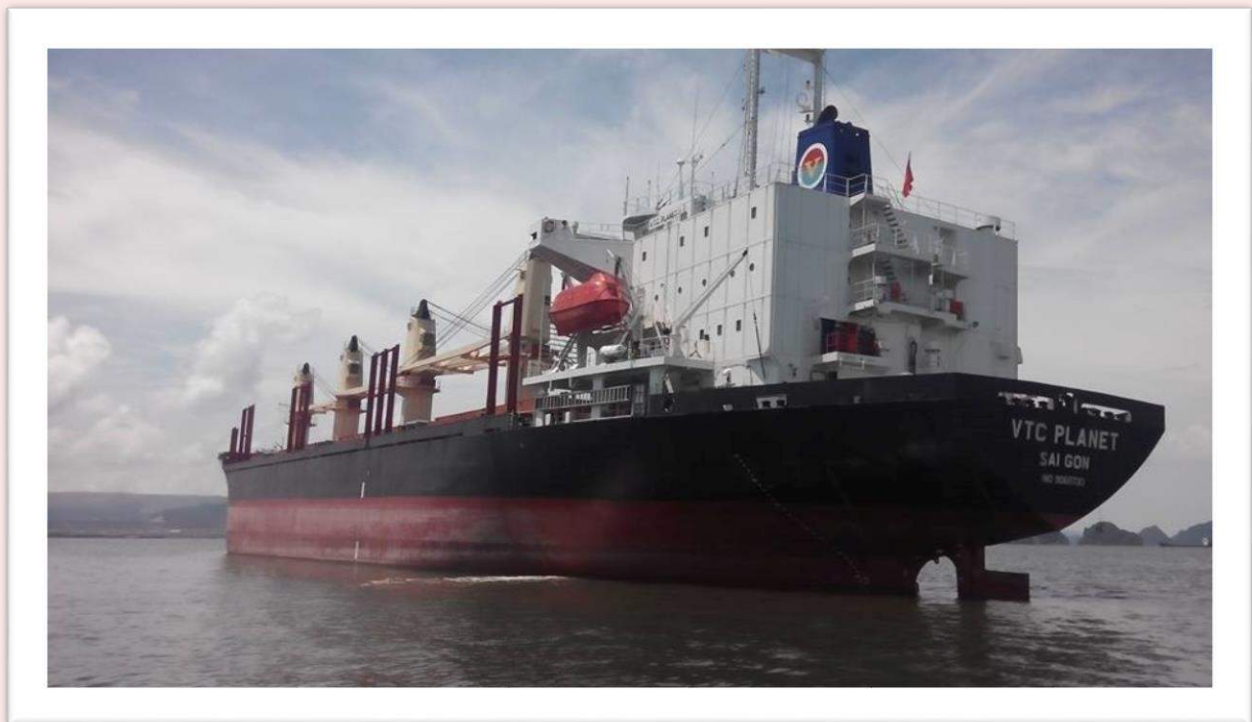
Định hướng phát triển

Các rủi ro

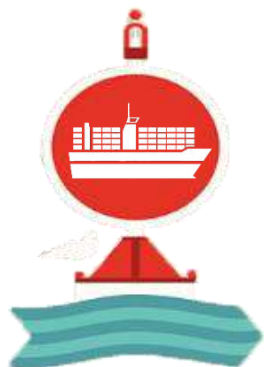
THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên giao dịch	: Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.
Tên GD quốc tế	: Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17 tháng 03 năm 2017 với mã doanh nghiệp là 0300448709.
Vốn điều lệ	: 589.993.370.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu	: (467.534.244.556) VNĐ
Địa chỉ	: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Số điện thoại	: (08) 3940 4271
Số fax	: (08) 3940 4711
Website	: www.vitranschart.com.vn
Email	: vtc-hcm@vitranschart.com.vn
Mã cổ phiếu	: VST

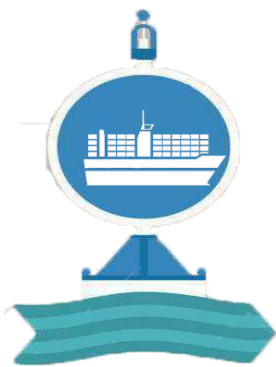


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



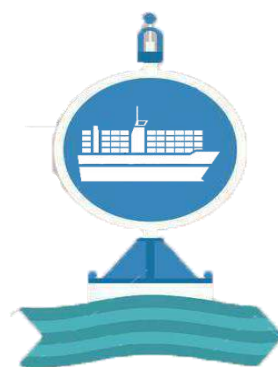
1975

Theo quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải quyết định thành lập Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam.



1976

Theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam



1984

Công ty Vận tải và thuê tàu biển "Transchart" và "Công ty Vận tải biển Sovosco" được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải



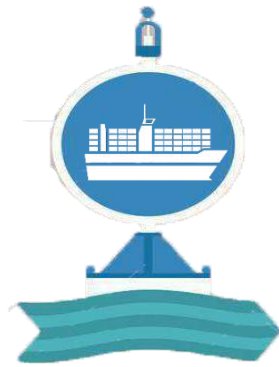
1993

Bộ Giao thông vận tải đã ban hành việc thành lập lại DNNN Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ, tên giao dịch quốc tế là Vietnam Sea transport and Chartering Company (Vitranschart JSC)



2007

Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập và lấy tên chính thức là Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam – Tên viết tắt là Vitranschart JSC



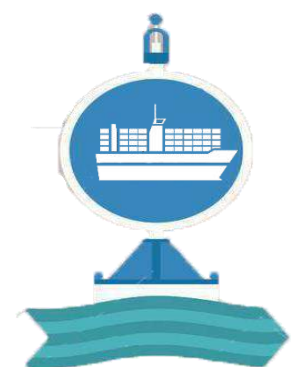
2009

Ngày 20/2/2009, SGDCK TP.HCM cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/2/2009.



2010

Công ty tăng vốn điều lệ lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh



2011-Nay

Công ty tập trung mọi nguồn lực để ổn định và vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.



NGÀNH NGHỀ KINH DNH



Kinh doanh vận tải biển

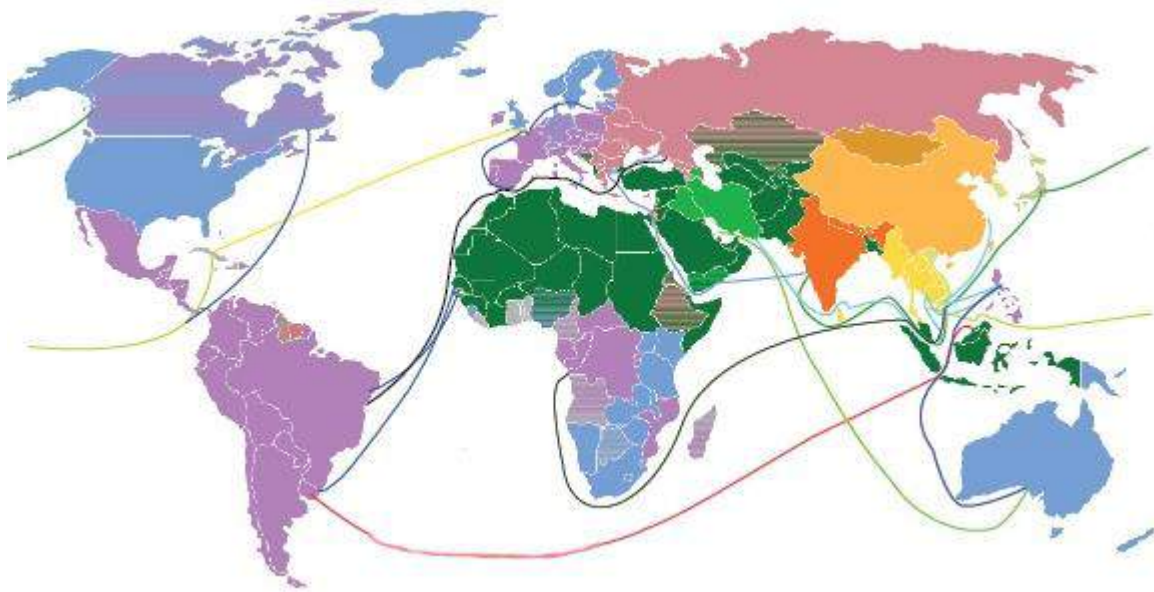
Đây là lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Công ty, chuyên khai thác vận tải biển. Tính đến 2016, hệ thống đội tàu vận tải của Công ty đã phủ rộng khắp thế giới. Các mặt hàng Công ty hay chuyên chở bao gồm hàng rời và bao kiện, hàng nông sản, bột giấy, thiết bị, lúa mì, gạo, đường, than đá, quặng, sắt, thép và các nguyên liệu, thành phẩm, sản phẩm khác.



Môi giới và cung ứng xuất khẩu thuyền viên (SCC)

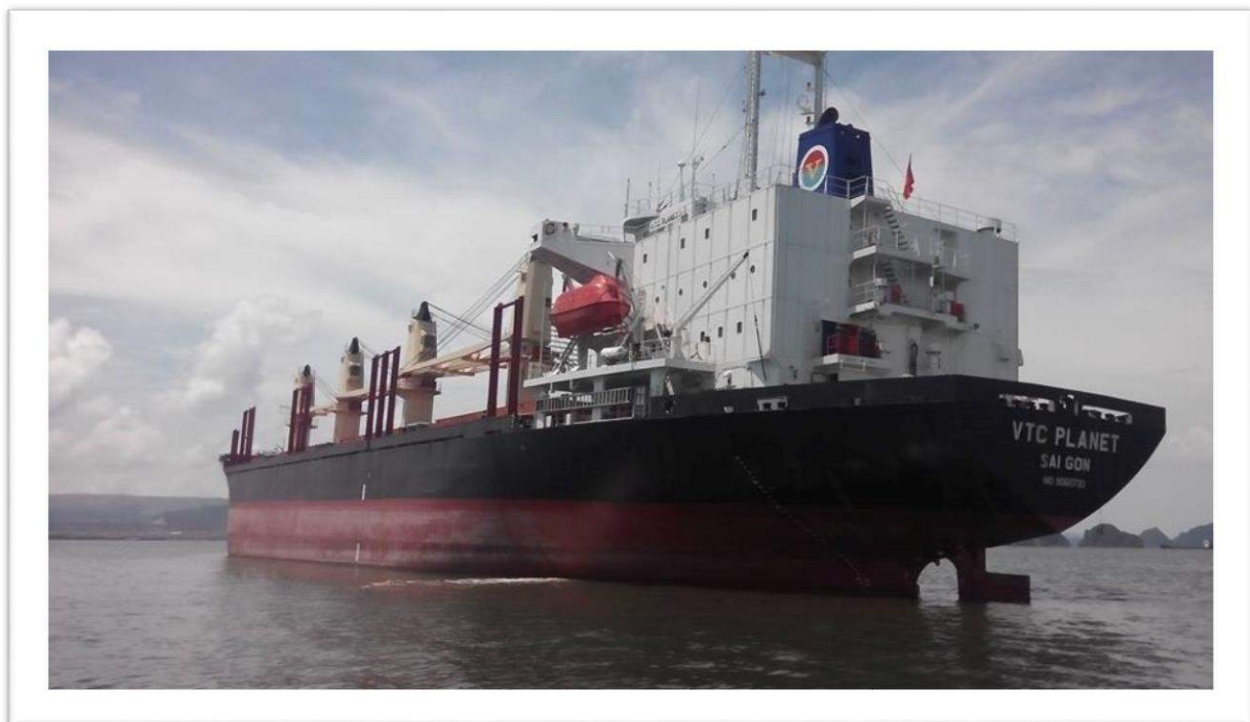
Tuyển dụng, đào tạo và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu Công ty, các chủ tàu Nhật Bản, Đài Loan. Ngoài ra, Công ty còn làm đại lý, môi giới thuyền viên cho các tàu trong nước và một số nước như: Nhật Bản, Đài Loan.

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Các tuyến hoạt động của Công ty:

Năm	Tuyến	Nam Mỹ - Đông Nam Á	Nam Mỹ - Tây phi	Khu vực Đông Nam Á	Đông Nam Á - Tây phi	Khác
Năm 2015		17%	22%	21%	18%	23%
Năm 2016		28%	14%	20%	23%	15%



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị Công ty hiện đang áp dụng là mô hình mẹ con với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là Công ty mẹ với tỷ lệ sở hữu là 60% vốn cổ phần. Công Ty Cổ Phần Cung Ứng DVHH và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC) là Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu 26,46%. Trong năm 2016, Công ty đã giải thể Công ty con là Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR), chấm dứt hoạt động 2 chi nhánh là chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu và chi nhánh Bình Định.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI
VIỆT NAM (VINALINES)**

Công ty mẹ

THÔNG TIN CHUNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU
BIỂN VIỆT NAM
(VITRANSCHART)**



**CÔNG TY CỔ
PHẦN CUNG ỨNG
DVHH VÀ XNK
PHƯƠNG ĐÔNG
(PDIMEX JSC)**



Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VINALINES)

Số lượng cổ phần nắm giữ: 35.400.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ của Vitranschart.

Trụ sở chính: Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Hà Nội

Ngành nghề hoạt động:

- ❖ Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức; khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh kho, bãi; dịch vụ logistics; đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- ❖ Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy. Sửa chữa tàu biển;
- ❖ Xuất khẩu phương tiện, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu chuyên ngành hàng hải; xuất khẩu và cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong nước; đào tạo giáo dục định hướng và nghề nghiệp cho người đi làm việc ở nước ngoài; mua bán hàng hóa phục vụ người lao động đi làm việc ở nước ngoài bằng ngoại tệ hợp pháp;
- ❖ Sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành; xây dựng, lắp đặt trang thiết bị và hoàn thiện các công trình chuyên ngành; kinh doanh kho ngoại quan, thông tin chuyên ngành; gia công chế biến hàng xuất khẩu;
- ❖ Tổ chức dịch vụ đại lý vận tải, bốc xếp hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng hóa thông thường, thiết bị máy móc, container bằng các phương tiện đường thủy, đường bộ trong và ngoài nước; thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan;
- ❖ Giao nhận, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu từ các cửa khẩu về kho hàng; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt;
- ❖ Các loại hoạt động hỗ trợ vận tải: đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường không, đường ống. Phá dỡ phương tiện vận tải, bốc xếp cũ;
- ❖ Vận tải hành khách bằng ô tô; kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; đại lý giao nhận, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, xăng dầu chất đốt;
- ❖ Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ; san lấp mặt bằng cơ sở hạ tầng;
- ❖ Kinh doanh khách sạn nhà hàng; dịch vụ du lịch, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ vui chơi giải trí; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiệt, trung tâm thương mại); kinh doanh cửa hàng miễn thuế, mua bán rượu, thuốc lá; Kinh doanh bất động sản và hạ tầng giao thông; dịch vụ đại lý bán vé máy bay.

Hoạt động kinh doanh chính:

- ❖ Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- ❖ Khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh kho, bãi; dịch vụ logistic;
- ❖ Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- ❖ Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động thủy.

Công ty CP Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hải & XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)

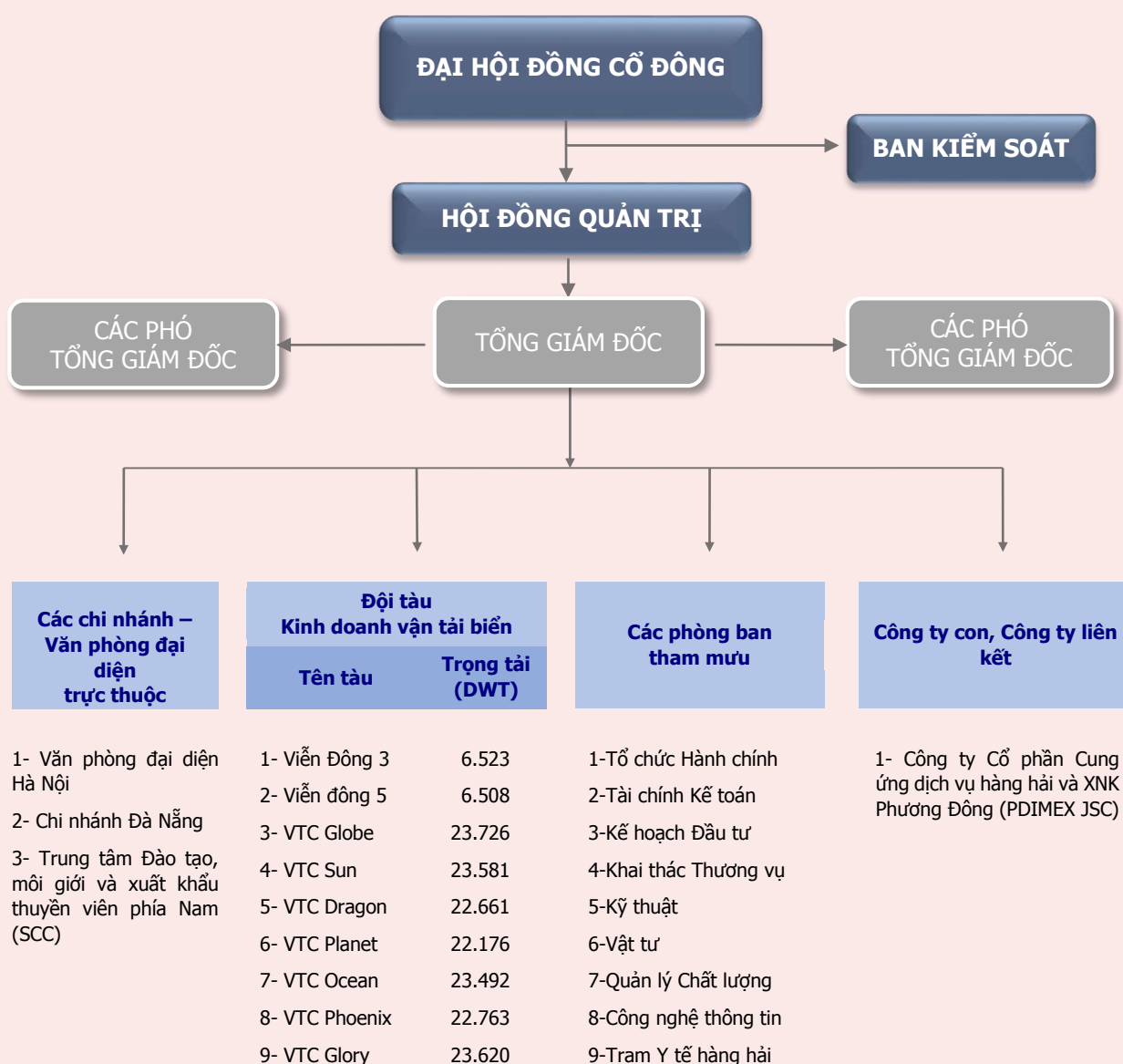
Vốn điều lệ: 18.540.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 26,46%

Trụ sở chính: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính:

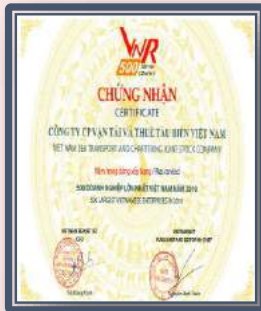
- ❖ Nhập khẩu nguyên vật liệu: thạch cao, xỉ cát, v.v... phục vụ sản xuất xi măng cung cấp cho các nhà máy xi măng khu vực phía Bắc và phía Nam từ nhiều nguồn khác nhau như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, v.v...
- ❖ Cung cấp đá pozzolan cho các nhà máy xi măng. Vận chuyển clinker cho các nhà máy xi măng tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh.
- ❖ Cung ứng các dịch vụ hàng hải phục vụ cho các đội tàu trong và ngoài nước gồm: cung ứng vật tư cho tàu.
- ❖ Sửa chữa và bảo dưỡng phao bè cứu sinh, gỗ gi sơn và vệ sinh công nghiệp tàu.



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



Quyết định số 822/QĐ-CTN ngày 30/05/2011, Chủ tịch Nước CHXHCN VN đã *"Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì"* cho Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến năm 2010, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Quyết định số 3062/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2011, Bộ trưởng Bộ GTVT đã "Tặng Cờ Thi đua xuất sắc năm 2011" của Bộ Giao thông Vận tải cho Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Giao thông vận tải năm 2011.



Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba, Quyết định số 97/QĐ-CTN ngày 22/01/2008 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Huân chương Lao động Hạng ba, Quyết định số 1423/2007/QĐ-CTN ngày 21/11/2007 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phương án kinh doanh: Cố gắng duy trì mảng kinh doanh chính là vận tải biển bằng cách tăng cường các nhóm giải pháp về mặt khai thác, kỹ thuật, tài chính, an toàn an ninh hàng hải, chờ thời cơ thị trường phục hồi để thuê thêm tàu khai thác nhằm tích lũy phát triển đội tàu.
- Kế hoạch đầu tư: Tăng cường tích lũy để có vốn đối ứng phát triển đội tàu vào những năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016-2020. Dự kiến đến năm 2019 và 2020, khi tình hình tài chính thuận lợi sẽ đầu tư mỗi năm 1 tàu hàng khô tải trọng 34.000 DWT đã qua sử dụng với mức đầu tư dự kiến 15 triệu USD/tàu.
- Kế hoạch tài chính:
 - Tích lũy để có vốn đối ứng phát triển đội tàu vào những năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016-2020. Dự kiến năm 2019 và năm 2020 khi tình hình tài chính thuận lợi sẽ đầu tư mỗi năm 1 tàu hàng khô 34.000 DWT đã qua sử dụng với mức đầu tư dự kiến 15 triệu USD/tàu.
 - Ngoài ra, trình Vinalines tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho Vitranschart JSC được xóa lãi vay và khoan nợ gốc tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB).
- Phát triển nguồn nhân lực:
 - Rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.
 - Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giỏi, có năng lực.
- Phân công công việc đúng năng lực trình độ của mỗi người.
- Định biên phù hợp với nhiệm vụ, công việc: Định biên lại theo trung bình tiên tiến, cùng với xu hướng giảm dần định biên hiện nay đối với tất cả các khối, đặc biệt là khối gián tiếp (phục vụ, quản lý).
- Trung tâm Đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam – SCC rà soát các thuyền viên không muốn đi tàu, ốm đau dài hạn mặc dù điều trị đã ổn định nhưng không đi tàu được, thuyền viên đang làm việc tại đơn vị khác, ý thức kỷ luật kém, trình độ chuyên môn hạn chế, v.v... Từ đó, áp dụng các biện pháp xử lý kịp thời và đưa ra chính sách phù hợp, thậm chí quyết định thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động (HDLĐ) trong trường hợp cần thiết.
- Nghiêm túc thực hiện đánh giá năng lực thuyền viên, phỏng vấn trước khi Công ty thuê và bố trí lên tàu.
- Chỉ tuyển dụng những thuyền viên phù hợp với nhu cầu của Công ty.
- Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho các thuyền viên; ngoài ra cũng phát động các phong trào thi đua như Hội thi tay nghề thuyền viên Vitranschart-SCC.
- Tăng cường công tác kỷ luật lao động, thực hiện Bộ luật an toàn quốc tế, chấp hành tốt các quy định của Công ty, hăng hái thi đua, tăng năng suất lao động.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Vitranschart JSC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải của các đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu, giảm tối đa khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra, định kỳ Công ty phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.
- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty. Duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBCNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế và chính trị

Năm 2016 vừa qua là năm mà nền chính trị thế giới có nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt và phải kể đến hai sự kiện lớn là Brexit (Anh rời khỏi EU) và cuộc Bầu cử Tổng thống Mỹ. Kết quả của hai sự kiện này đã và đang mang đến những ảnh hưởng nhất định đối với nền kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Các chuyên gia và tổ chức kinh tế đã có những nhận định không quá khả quan khi liên tục hạ tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu và đưa ra nhận định rằng kinh tế thế giới đã qua thời kỳ tăng trưởng nhanh và bước vào thời kỳ tăng trưởng chậm, Quỹ tiền tệ Quốc tế IMF đã dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2017 sẽ chỉ đạt 3,3%-3,4%.

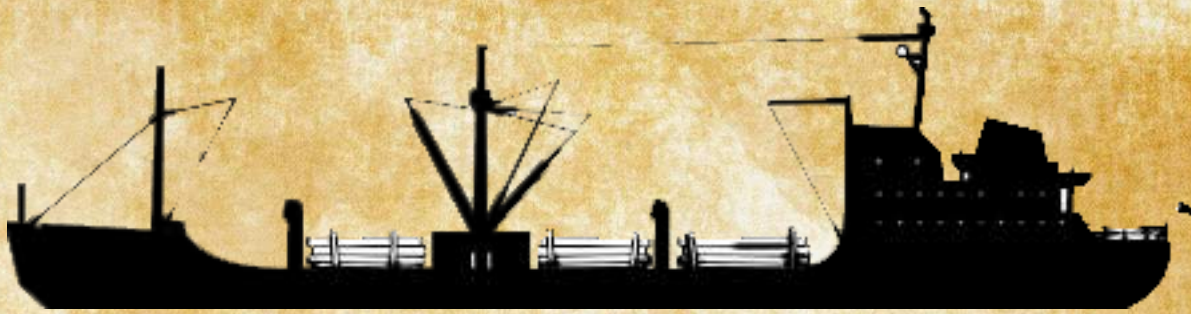
Nền kinh tế Mỹ mặc dù có dấu hiệu phục hồi từ sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ nhưng vẫn ở mức thấp (tốc độ tăng trưởng cả năm đạt 1,6%, theo dự đoán của IMF năm 2017 sẽ là 2,2%). Kinh tế Trung Quốc bắt đầu có dấu hiệu sụt giảm khi tăng trưởng đạt 6,7% thấp nhất trong vòng hơn 26 năm qua ngay cả khi đã tiến hành nhiều biện pháp kích thích tăng trưởng tốn kém chi phí, tình trạng dư thừa năng lực sản xuất công nghiệp sẽ còn tiếp tục kéo dài đến năm 2017. Nhật Bản vẫn chưa giải quyết được vấn đề lực lượng lao động do già hóa dân số. Trái ngược với những nền kinh tế trên, các nước Châu Âu dù trải qua những bất ổn chính trị vẫn giảm được tỷ lệ thất nghiệp, lạm phát thấp, lượng hàng hóa xuất khẩu tăng.

Tình hình kinh tế và chính trị năm 2016 khiến cho quan hệ hợp tác thương mại giữa các quốc gia trên thế giới gặp nhiều khó khăn, từ đó làm sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, cán cân thương mại bị ảnh hưởng, tác động đến hoạt động kinh doanh vận chuyển của Công ty.

Ngoài hai sự kiện chính trị lớn trên, vào ngày 30/11/2016 các quốc gia trong tổ chức OPEC đã cam



kết cắt giảm sản lượng dầu thô khai thác để kéo sản lượng dầu thế giới thoát khỏi tình trạng dư thừa. Điều này cũng có nghĩa là giá dầu thế giới sẽ trong xu hướng tăng vào năm 2017. Bên cạnh đó, thế giới cũng phải đối mặt với các bất ổn khác như: căng thẳng trên biển Đông giữa Trung Quốc và các nước liên quan, cuộc đảo chính ở Thổ Nhĩ Kỳ, nhà nước Hồi giáo tự xưng (IS) và các cuộc xung đột, khủng bố diễn ra với tần suất cao càng làm cho nền kinh tế thế giới suy thoái.



Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, có vốn đầu tư Nhà nước, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu nên hoạt động của Vitranschart JSC phải chịu tác động lớn từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán về hoạt động công bố thông tin, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó trong thời gian những năm gần đây hai bộ luật cũng được thay đổi và điều chỉnh khá thường xuyên nên bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều gây ra những ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Ngoài ra hoạt động vận tải của Vitranschart rộng khắp thế giới nên Công ty ngoài tuân thủ luật hàng hải Việt Nam cũng phải liên tục cập nhật chính sách và thông lệ quốc tế. Ý thức được tầm quan trọng của rủi ro này Công ty, từ đó Công ty có thể chủ động ứng phó nhanh sự thay đổi về mặt chính sách và hạn chế tối đa tổn thất do yếu tố pháp lý gây ra.

Để giảm thiểu rủi ro pháp luật công ty giao nhiệm vụ cho bộ phận có liên quan theo dõi các thay đổi về chính sách để điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

Rủi ro hàng hải thông thường

Ngành vận tải biển là ngành kinh doanh thường xuyên phải đối mặt với những biến động bất ngờ từ tự nhiên (thiên tai, bão...) và tai nạn bất ngờ ngoài biển (va chạm, cháy, mắc cạn....) do vậy Công ty phải luôn có chính sách bảo hiểm phù hợp với từng kiện hàng vận chuyển.

Rủi ro đặc thù

Tiếp nối chuỗi ngày đen tối của ngành vận tải biển bắt đầu từ năm 2008, năm 2016 chứng kiến hàng loạt các thương hiệu vận tải lao dốc, kết quả kinh doanh thua lỗ hàng tỷ đồng. Thị trường hàng khô rời vãn giảm vô tận và không hề có dấu hiệu phục hồi, đơn hàng vận chuyển cát từ Campuchia đi Male hoặc Ấn Độ chỉ tầm 19-20 USD/tấn thấp hơn nhiều so với mức 25-27 USD/tấn cùng kỳ năm trước. Các đơn hàng không chỉ giảm về giá trị mà còn giảm về số lượng. Trung Quốc - công xưởng và bạn hàng lớn của thế giới đang tái cơ cấu lại ngành thép, sản phẩm thép trong nước đang dư thừa dẫn đến nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu chế tạo sắt thép cũng giảm, cụ thể đơn hàng than đá và quặng sắt từ các nước Trung Đông, Úc, Nga, Châu phi về Trung Quốc từ hàng trăm ngàn tấn thì nay chỉ ở mức 50.000-60.000 tấn. Cước thấp, cung nhiều, cầu ít là khó khăn chung của các công ty trong ngành vận tải biển trong và ngoài nước.

Chỉ số BDI (BDI là cụm từ viết tắt của Baltic Dry Index, tạm dịch là "Chỉ số thuê tàu hàng khô Baltic" là một chỉ số do Sở giao dịch Baltic (Baltic Exchange) trụ sở tại Luân Đôn công bố hằng ngày để đánh giá mức phí thuê tàu chở những mặt hàng nguyên liệu thô như: quặng sắt, than, xi măng, ngũ cốc...) tiếp tục xu hướng giảm đến vô cực của năm 2015, vào tháng 2/2016 BDI giảm xuống mức thấp kỷ lục là 290 điểm và BHSI giảm xuống 180 điểm, đến thời điểm tháng 11 sau cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ BDI đã tăng lên mức 960 điểm nhưng vẫn thấp hơn mức 11.793 điểm vào thời kì đỉnh cao tháng 05/2008. Theo các chuyên gia, chỉ số BDI giảm chủ yếu do sức tiêu thụ của Trung Quốc giảm và sự bất ổn định trong chính trị tại nhiều nơi trên thế giới.

Trước bức tranh ảm đạm chung của ngành vận tải biển thế giới, các doanh nghiệp Việt Nam khó càng thêm khó. Cước vận tải tại các khu vực có đội tàu Việt Nam hoạt động có mức phí rất thấp, đơn cử như cước tàu chở cát từ Việt Nam đi Singapore trước kia có giá khoảng 6 USD/tấn thì nay đã giảm xuống dưới 3 USD/tấn, hàng đá vôi, clinker xuất từ Việt Nam đi Bắc Trung Quốc trước kia có giá trên dưới 10 USD/tấn thì nay chỉ còn khoảng 7 USD/tấn. Nhu cầu xuống thấp trong khi giá cước đã không thể xuống thấp hơn, khiến cho các doanh nghiệp vận tải đều thua lỗ nặng.

Nhìn chung, khó khăn của ngành vận tải biển Việt Nam không chỉ đến từ bối cảnh chung thế giới mà còn xuất phát từ thực trạng nội địa. Ngành vận tải biển Việt Nam đã phát triển quá nhanh cả về số lượng tàu, trọng tải tàu đến các doanh nghiệp tham gia ngành. Quá nhiều chủ thể tham gia trong khi cơ cấu chưa vững, hoạt động quy mô nhỏ, phân tán thiếu chiến lược. Ngoài ra, nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế hàng hải, nhất là vận tải biển đã và đang là bài toán chung cần giải quyết các vấn đề như: thiếu lực lượng thuyền viên nhất là các thuyền trưởng và các sỹ quan quản lý tâm huyết, có tay nghề cao; thuyền viên có trình độ ngoại ngữ thấp gây khó khăn và trở ngại trong công việc như tiếp cận các tài liệu, quy định, các bộ luật quốc tế cũng như trong giao dịch với các đối tác. Những điều này đã ngăn trở ngành vận tải Việt Nam phát triển bền vững và dài hạn, dễ gặp khó khăn khi tình hình thế giới biến động không thuận lợi.

Rủi ro khác

Với kết quả kinh doanh thua lỗ và tín dụng nợ những năm qua, Công ty khó có thể vay vốn ngân hàng với giá trị cao. Những yếu tố như tỷ giá hối đoái, lãi suất năm 2016 diễn biến trong xu hướng giảm và khá ổn định nhưng nhiều dự đoán đến năm 2017 sẽ biến động tăng.

Những tác động trên đã gây trở ngại lớn cho việc lập và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thanh toán vốn ngân hàng cũng như tác động xấu đến chiến lược phát triển của doanh nghiệp hiện tại và tương lai.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Báo cáo phát triển bền vững

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Năm 2016 tiếp tục năm khó khăn chung của ngành vận tải biển kể cả trong nước và quốc tế khi mà lượng cung luôn vượt quá cầu khiến cước vận tải biển tiếp tục giảm năm thứ 6 liên tiếp. Thêm vào đó, xu hướng bảo hộ mậu dịch đang xuất hiện ở nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới đã khiến lượng hàng luân chuyển đi các quốc gia ngày càng giảm sút nghiêm trọng. Năm qua, thế giới chứng kiến khá nhiều

hiện tượng đổi tên, bán tàu, chuyển sở hữu tàu; rất nhiều thương hiệu vận tải biển, rất nhiều tên tàu biển quen thuộc một thời đã biến mất khỏi thị trường đã cho thấy một bức tranh màu xám về ngành vận tải biển trong thời gian qua. Chỉ số BDI liên tục giảm trong các năm gần đây đã phản ánh rõ nét tình hình của ngành vận tải biển.

Trước tình hình khó khăn của ngành vận tải biển thế giới nói chung và ngành vận tải biển Việt Nam nói riêng, năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chưa có nhiều tín hiệu tích cực:

Kết quả hoạt động SXKD	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	872.706	593.814
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	-119.057	-159.954
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-307.410	-338.047
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	113.555	10.355
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	-193.855	-327.692
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	-194.024	-262.645

Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH 2016 /KH 2016	TH 2016 /TH 2015
SL vận chuyển	<i>Tấn</i>	1.722	1.265	1.135	90%	66%
SL luân chuyển	<i>Tỷ TKm</i>	9,56	8,55	8,74	102%	91%
I. Doanh thu các hoạt động	<i>Tỷ VNĐ</i>	887,96	625,11	603,20	96%	68%
Trong đó:						
+ Kinh doanh vận tải	<i>Tỷ VNĐ</i>	685	494,79	455,29	92%	66%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	<i>Tỷ VNĐ</i>	202,96	130,32	147,91	114%	73%
II. Lãi (+)/Lỗ (-)	<i>Tỷ VNĐ</i>	-194,02	-262,54	-262,64	-	-

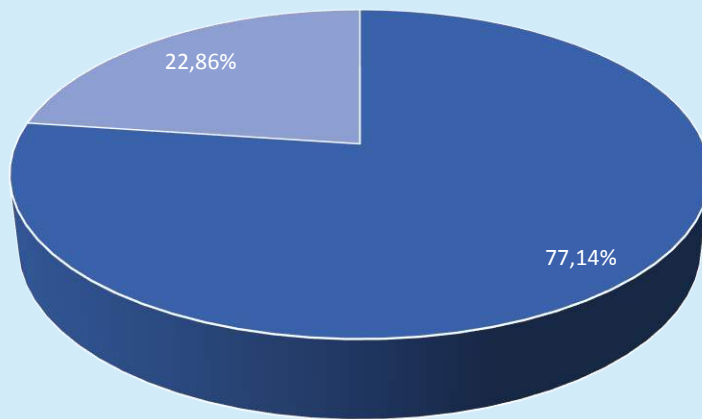


Doanh thu từ các hoạt động năm 2016 đạt 603 tỷ đồng, giảm 32,07% so với năm 2015, nguyên nhân là do năm qua không chỉ có giá cước vận chuyển giảm mà cả sản lượng vận chuyển

và luân chuyển cũng không giữ được đà tăng so với cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, nếu xét về tình hình khó khăn chung của ngành và mục tiêu kế hoạch đề ra thì năm 2016, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đã đạt một số chỉ tiêu kế hoạch đề ra như: chỉ tiêu sản lượng luân chuyển đạt 102%, chỉ tiêu doanh thu từ kinh doanh các dịch vụ khác đạt 114% so với kế hoạch. Điều này cho thấy sự nỗ lực tìm ra hướng đi mới nhằm thích nghi với hoàn cảnh khó khăn chung như hiện nay của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản xuất nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, không để người lao động rơi vào tình trạng khó khăn.

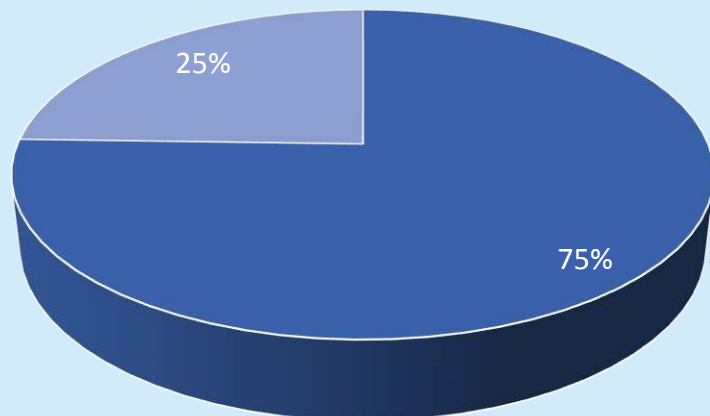
Biểu đồ: Cơ cấu doanh thu

Cơ cấu doanh thu năm 2015

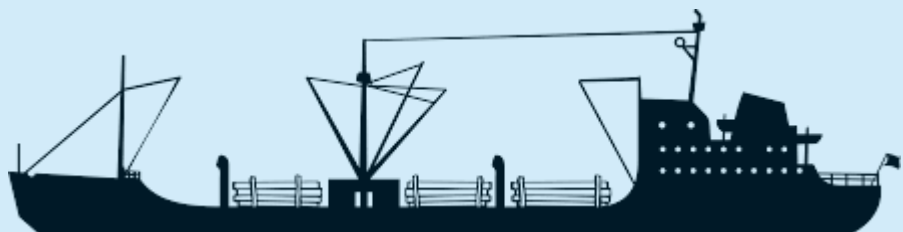


■ Kinh doanh vận tải ■ Kinh doanh các dịch vụ khác

Cơ cấu doanh thu năm 2016



■ Kinh doanh vận tải ■ Kinh doanh các dịch vụ khác



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban điều hành



Tổng Giám đốc

Phạm Thị Cẩm Hà

Sinh năm: 1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Tỷ lệ sở hữu: **0,20%**



Phó Tổng Giám đốc

Huỳnh Nam Anh

Sinh năm: 1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học ngành quản lý vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị

Tỷ lệ sở hữu: **0,16%**



Phó Tổng Giám đốc

Đặng Hiếu

Sinh năm: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác máy tàu biển, Cao cấp lý luận chính trị

Tỷ lệ sở hữu: **0%**



Kế toán trưởng

Mai Thị Thu Vân

Sinh năm: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Tỷ lệ sở hữu: **0,0136%**

Những thay đổi trong Ban Điều Hành

Năm qua Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong Ban Điều Hành

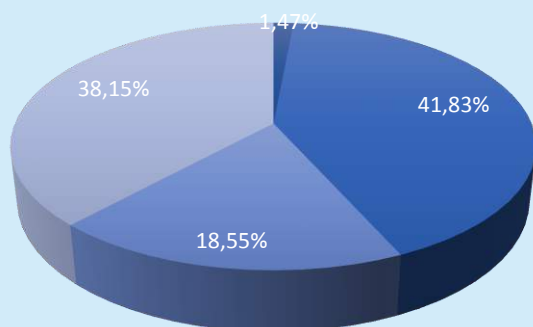
Tình hình lao động

Số lượng lao động

STT	Chi tiêu	Số lượng (31/12/2015)	Số lượng (31/12/2016)	Tỷ trọng năm 2016 (%)
	Tổng số lao động	1.053	949	100%
1	Phân theo trình độ lao động	1.053	949	100%
	- Trên Đại học	13	14	1,47%
	- Đại học	456	397	41,83%
	- Cao đẳng	189	176	18,55%
	- Khác	395	362	38,15%
3	Phân theo hợp đồng lao động (HĐLĐ)	1.053	949	100%
	- HĐLĐ không thời hạn	559	342	36,04%
	- HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	487	605	63,75%
	- HĐLĐ dưới 1 năm	7	2	0,21%

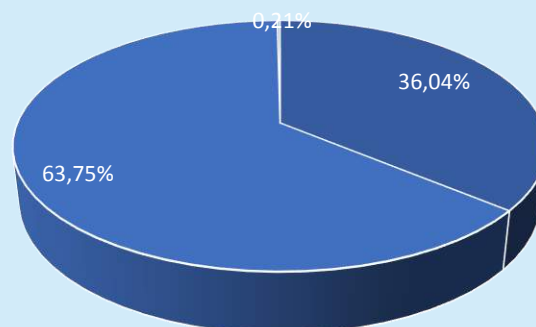


Cơ cấu lao động theo trình độ lao động



■ Trên Đại học ■ Đại học ■ Cao đẳng ■ Khác

Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng



■ Hợp đồng có xác định thời hạn ■ Hợp đồng không xác định thời hạn ■ Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)

Chính sách với người lao động

Những năm qua, mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh toàn ngành gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty luôn cố gắng duy trì chính sách giải quyết việc làm cho người lao động trong Công ty, thể hiện sự quan tâm sâu sắc và chăm lo cho đội ngũ cán bộ từ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên các cấp, các đơn vị của Đảng uỷ, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn Công ty, cũng như Thủ trưởng các đơn vị và có sự đồng thuận nhất trí cao trong toàn Công ty, đã đề cao tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển bền vững Công ty. Năm 2016 có sự tiến bộ rõ rệt về sự trẻ hóa và chất lượng của đội ngũ sỹ quan thuyền viên làm việc trên đội tàu Công ty.

➤ Chính sách việc làm, điều kiện làm việc

Quy chế tuyển dụng lao động và quản lý cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty

Quy chế Tuyển dụng lao động và quản lý cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty ban hành có hiệu lực từ ngày 15/10/2012 tiếp tục thu hút, động viên, khuyến khích được sỹ quan thuyền viên đóng góp được cho Công ty và ổn định lực lượng sỹ quan thuyền viên gắn bó lâu dài với nghề đi biển, đồng thời phát huy được vai trò quan trọng để duy trì hoạt động đội tàu ổn định năm 2016, trong điều kiện Công ty

gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, cắt giảm nhân sự các cấp. Giải quyết chấm dứt HĐLĐ, trợ cấp thôi việc đúng trình tự, chế độ theo quy định của Pháp luật. Tuy nhiên, do tình hình thực tế eo hẹp về tài chính nên việc giải quyết các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp, v.v... còn bị động, đòi hỏi phải xử lý hết sức uyển chuyển và linh hoạt.

➤ Điều kiện làm việc

Công tác chăm lo đời sống và cải thiện môi trường làm việc của người lao động luôn được Công ty ưu tiên thực hiện, điều này đã góp phần tăng năng suất lao động, tạo nên nhiều kết quả đáng khích lệ trong năm qua như chất lượng sức khỏe của người lao động được cải thiện, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hạn chế một cách tối đa. Công ty có chủ trương xuyên suốt và chú trọng chăm lo đến điều kiện làm việc, môi trường làm việc cho cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên (CBNV, SQTV), nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động đi đôi với đảm bảo sức khỏe, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động (TNLD), bệnh nghề nghiệp tại Công ty. Đồng thời tạo nên sự yên tâm, gắn bó với Công ty của người lao động, đặc biệt trong điều kiện SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng truyền thống, tạo nên nét văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, sẻ chia, giúp nhau cùng tiến bộ.

Khởi văn phòng Công ty, các Chi nhánh Công ty đảm bảo đầy đủ dụng cụ làm việc cần thiết, phù hợp cho từng chức danh; phòng làm việc đầy đủ ánh sáng, trang bị máy lạnh, thông thoáng; khuôn viên cây xanh, sạch đẹp, an toàn.

Tại các tàu biển Công ty, do tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006), từ chính sách đến thực hiện, đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Bảo đảm thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi theo quy định của Bộ Luật lao động, Bộ Giao thông vận tải và Nội quy lao động của Công ty và có lợi hơn cho người lao động.

➤ Công tác bảo hộ lao động

Công ty có qui định công tác bảo hộ lao động, qui định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong hoạt động của mình phải bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại đơn vị, góp phần hoạt động của Công ty có kết quả tốt, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hàng năm, Công ty có lập kế hoạch công tác bảo hộ lao động, bao gồm các chi phí cho : an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Năm 2016, không xảy ra trường hợp tai nạn lao động nặng nào, chỉ có 1 vài tai nạn lao động nhẹ trên tàu, đều tự khắc phục.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm qua, bất chấp mọi nỗ lực của Công ty trong việc đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng khó khăn của chung của ngành, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm vẫn không đạt được kết quả tốt, lợi nhuận của Công ty vẫn chưa được cải thiện:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	1.905.098	1.740.122	-8,66%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	872.706	593.814	-31,96%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-307.410	-338.046	9,97%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	113.555	10.355	-90,88%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	-193.855	-327.692	69,04%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	-194.024	-262.645	35,37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Triệu đồng	-	-	-

Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2016



Đặng Xuân Bình - Vitranschart

CÁC HỆ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
• Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,64	0,50
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,48	0,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	110,74%	126,87%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-	-
Chỉ tiêu về hiệu suất hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	12,73	15,41
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,38	0,33
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-	-
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-	-
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-
<i>Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2016</i>			

+ Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán

Tại thời điểm ngày 31/12/2016, các chỉ số về khả năng thanh toán đều < 1 và có xu hướng giảm so với năm 2015. Cụ thể, hệ số thanh toán hiện thời, hệ số thanh toán nhanh lần lượt duy trì ở mức 0,5 và 0,39. Nguyên nhân các hệ số giảm là do trong năm 2016 khoản mục tiền và tương đương tiền của Công ty giảm 38,99% tương đương 13 tỷ đồng so với đầu năm, bên cạnh đó, khoản phải thu năm qua là 86 tỷ đồng giảm 20,63% tương đương 22 tỷ đồng. Như vậy hiện tại tình hình thanh toán nợ vay của Công ty đang được đánh giá là kém an toàn. Để đảm bảo đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, năm qua Công ty đã thương lượng với các đối tác cung cấp nhiên liệu, dầu nhờn, vật tư để đảo nợ, thanh toán dần (chia nhỏ) các hóa đơn quá hạn để tạo niềm tin với các nhà cung cấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường tìm thêm đối tác cung cấp nhiên liệu, dầu nhờn, vật tư khác để đảm bảo hoạt động tàu thông suốt, an toàn. Ngoài ra, để tránh nguy cơ mất mát liên quan đến việc sử dụng tiền mặt đồng thời để tiết kiệm thời gian, chi phí và nhân lực, Công ty năm qua đã thay đổi phương thức tạm ứng tiền mặt thành tạm ứng thông qua chuyển khoản và tài khoản cá nhân. Năm qua, Công ty đã rất nỗ lực tìm kiếm các biện pháp mới nhằm đảm bảo cân đối tài chính để thích nghi với tình trạng như hiện nay.

+ Nhóm hệ số về cơ cấu nguồn vốn

Đặc trưng của ngành vận tải biển là sử dụng đòn bẩy lớn, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam cũng không ngoại lệ. Cơ cấu nguồn vốn của Công ty chủ yếu là sử dụng nợ vay với tỷ lệ nợ/tổng tài sản là 126,87%, hiện tỷ lệ này đang có xu hướng gia tăng để đảm bảo duy trì hoạt động.



PHÂN TÍCH SWOT

Điểm mạnh

Thương hiệu uy tín và chất lượng trên thị trường vận tải Việt Nam và thế giới, có bề dày lịch sử và luôn đứng ở top đầu trong ngành vận tải biển Việt Nam và có tiềm năng phát triển bền vững.

Công ty luôn đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng với phương châm hai bên cùng có lợi.

Là doanh nghiệp cổ phần có 60% vốn nhà nước sở hữu, nên được hưởng ưu đãi về chính sách tài chính, thuế và đầu tư. Được hỗ trợ vốn, ưu đãi lãi suất, thuế thu nhập, chính sách khấu hao khi thực hiện các dự án, đặc biệt là đầu tư đóng tàu.

Có hệ thống tổ chức quản lý chặt chẽ (tuân thủ ISM CODE) và áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến SAP, có hệ thống kinh doanh dọc và ngang.

Có sự liên kết mạnh mẽ giữa các bộ phận trong Công ty và đội ngũ nhân sự trên bờ và dưới tàu tạo nên sự thống nhất cao và tác phong làm việc chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm.

Công ty rất am hiểu tập quán các cảng trên các tuyến truyền thống cũng như chính sách pháp luật chuyên ngành vận tải biển như Điều ước quốc tế, Tập quán quốc tế...

Tình hình tài chính công khai minh bạch.

Điểm yếu

Tình hình thị trường và kết quả SXKD những năm qua và hiện tại hết sức khó khăn do kinh doanh thua lỗ nặng nề và liên tục.

Một số tàu đã trên 20 tuổi, tình trạng kỹ thuật không còn tốt do tuổi tàu cao nên kém khả năng cạnh tranh.

Hiện tại, Công ty chưa thành lập được được bộ phận đánh giá rủi ro và chưa tính toán được mức biên chấp nhận rủi ro cho mình.

Trình độ kỹ thuật, công nghệ cốt lõi của Công ty còn chưa hiện đại, kỹ năng vận hành còn hạn chế.

Tiềm lực tài chính chưa mạnh, vốn đầu tư còn hạn chế nên Công ty chưa có điều kiện trang bị tốt cả về phương tiện, công nghệ để mở rộng cũng như duy trì vùng hoạt động.

Chiến lược kinh doanh chưa linh hoạt để thích nghi với môi trường và thị trường biến đổi nhanh và liên tục như hiện nay.

Nguồn nhân lực chưa được sử dụng hiệu quả tối đa, cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên chưa làm việc hết năng suất. Bên cạnh đó, một bộ phận còn quan liêu, không chịu nâng cao kiến thức chuyên môn để thích ứng với cơ chế thị trường và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Chưa sử dụng hiệu quả tối đa nguồn nhân lực, cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên chưa làm việc hết năng suất. Một bộ phận còn quan liêu, không chịu nâng cao kiến thức chuyên môn để thích ứng với cơ chế thị trường và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Công tác nghiên cứu thị trường, marketing, tìm kiếm khách hàng chưa chú trọng, còn thụ động tìm kiếm nguồn hàng, phụ thuộc nhiều vào các nhà môi giới nên khách hàng ít và hay bị ép giá.

Lập kế hoạch SXKD và ngân sách cho từng bộ phận còn ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố chủ quan. Quản lý kinh doanh các Chi nhánh, công ty con chưa được hiệu quả.



Cơ hội

Việt Nam có nguồn nhân lực dồi dào, giá rẻ, có lợi thế về địa lý khi có bờ biển dài.

Chính phủ có chính sách bảo hộ vận tải nội địa và nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế biển.

Chủ trương thoái vốn sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp ngành hàng hải ngày càng mạnh giúp làm giảm tính trì trệ và mang lại sự năng động cùng các cơ hội phát triển mới.

Lợi thế liên kết, hợp tác với các công ty con của Vinalines về cảng và hậu cần logistics.

Thách thức

Vùng khai thác của Công ty đang gặp nhiều khó khăn do bất ổn chính trị, bệnh dịch và cướp biển ngày càng gia tăng. Cụ thể trong năm 2016, số vụ tấn công tàu để bắt giữ thuyền viên nhằm mục đích đòi tiền chuộc tại khu vực Đông Sabah và Tây Nam Philippines, là khu vực hoạt động của Tổ chức Hồi giáo cực đoan Abu Sayyaf, đang phát triển theo chiều hướng rất nguy hiểm. Vùng biển giáp ranh giữa 3 nước Malaysia, Indonesia và Philippines là khu vực rất đáng lo ngại...

Vẫn tiếp tục đà giảm, chỉ số BDI tiếp tục xác lập kỷ lục chạm đáy vào ngày 10/02/2016 khi giảm xuống còn 290 điểm. Lần đầu tiên trong lịch sử, chỉ số BHSI phản ánh trực tiếp giá cước của dòng tàu Handysize - loại tàu cỡ trung có trọng tải 35.000 - 50.000 DWT, dòng tàu mà các DN vận tải biển Việt Nam thường sở hữu, giảm còn 183 điểm vào ngày 12/2. Chỉ số BHSI bình quân quý I/2016 ước khoảng 229 điểm, giảm 28,1% so với quý IV/2015. Mức cước tại thị trường khu vực Thái Bình Dương giảm còn khoảng 3,2 USD/tấn cho một chuyến hành trình từ khu vực Tây Úc đến Trung Quốc, đây là mức cước thấp nhất kể từ tháng 11/2001.

Tình trạng bảo hộ mậu dịch diễn ra ngày càng phổ biến tại nhiều quốc gia, đồng thời kinh tế toàn cầu đi xuống đã làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thương đi liền với sản lượng hàng hóa luân chuyển giảm.

Tình trạng thời tiết khắc nghiệt, biến đổi thất thường, mực nước biển dâng cao cùng với bão, sóng thần liên tiếp xảy ra đã khiến hoạt động đi biển gặp nhiều khó khăn và nguy hiểm.

Tỷ lệ vốn nhà nước còn cao (60%) nên Công ty vẫn bị coi như là một công ty nhà nước với rất nhiều cơ chế chính sách ràng buộc, vì vậy tính linh hoạt trong hoạt động SXKD cũng như trong việc xử lý các khó khăn, vướng mắc của công ty thấp hơn rất nhiều so với các doanh nghiệp tư nhân hoặc các doanh nghiệp vận tải biển khác có tỷ lệ phần vốn nhà nước không chi phối.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Số cổ phần đã phát hành: 58.999.337 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành: 2.800.000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông của Công ty (theo danh sách chốt ngày 23/02/2016)

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	3.068	99,79%
1	Cá nhân	3.025	36,77%
2	Tổ chức	43	63,02%
II	Cổ đông nước ngoài	20	0,21%
1	Cá nhân	17	0,20%
2	Tổ chức	3	0,01%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-
Tổng cộng		3.088	100%





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Các chuyên gia về môi trường cho rằng, các phương tiện tàu biển là nguồn gây ô nhiễm rất lớn đối với môi trường. Đặc biệt tại các thành phố cảng và ven biển do sử dụng nhiên liệu nhựa đường kém chất lượng, có lượng khí thải như nitơ oxit (NO), dioxit lưu huỳnh (SO₂) rất cao. Bên cạnh đó, những chất thải này cũng đã tạo ra những cơn mưa axit và những hạt bồ hóng nhỏ li ti trong không khí. Hoạt động của tàu biển (bao gồm cả tàu cá và tàu hàng) là một trong những nguồn nhân tạo đóng góp đáng kể vào sự ô nhiễm không khí. Theo số liệu thống kê của Chính phủ Mỹ, các tàu biển là thủ phạm gây ra 2/3 lượng khí thải SO₂ trong ngành GTVT năm 2002, việc thiếu các biện pháp kiểm soát sẽ khiến tỷ lệ này có thể lên tới 98% vào năm 2020.

Ý thức được vấn đề này, năm qua Công ty đã tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường như sử dụng hiệu quả và hợp lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, v.v...Cụ thể

+ Đối với công tác quản lý nguồn nguyên liệu sử dụng năm qua Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp để tiết kiệm tiêu hao nguyên vật liệu như:

- ✓ Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý năng lượng hiệu quả: Ship Energy Efficiency Management Plan (SEEMP) theo yêu cầu của tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) một cách có hiệu quả cho đội tàu từ ngày 01/01/2013.
- ✓ Thường xuyên theo dõi và điều hành các đội tàu sử dụng công suất phương tiện, tốc độ chạy tàu kinh tế.
- ✓ Lựa chọn điểm mua nhiên liệu có giá tốt nhất trong hành trình chạy tàu.
- ✓ Tăng cường công tác duy tu, bảo trì máy móc thiết bị.
- ✓ Ban hành và quản lý hệ thống định mức tiêu hao nhiên liệu một cách chặt chẽ.

Tổng lượng nguyên vật liệu mà Công ty sử dụng trong năm qua như sau:

Loại nhiên liệu	Mức sử dụng	Giá nhiên liệu (USD/Tấn)
Dầu FO (tấn)	22,349.143	252
Dầu diesel (tấn)	2,779.970	510

Hoạt động	Loại nhiên liệu	Mục đích của giải pháp	Kết quả
Điều hành hoạt động máy chính và máy đèn theo tốc độ kinh tế	FO	Tiết kiệm 3,5% tiêu hao nhiên liệu	Mức TKNL: 785,05 tấn tương ứng 3,5% Tiết kiệm chi phí: 7.075,15 triệu đồng
Điều hành hoạt động máy chính và máy đèn theo tốc độ kinh tế	DO	Tiết kiệm 4% tiêu hao nhiên liệu	Mức TKNL: 99,32 tấn tương ứng 4% Tiết kiệm chi phí: 1.811,53 triệu đồng

Trong công tác quản lý, sử dụng hợp lý nguồn năng lượng

Hiện nay, nguồn tài nguyên đang có nguy cơ cạn kiệt nhanh chóng, tiết kiệm năng lượng đã trở thành yêu cầu cấp thiết. EIA đã dự đoán rằng đến năm 2030, mức tiêu thụ năng lượng toàn cầu dự kiến sẽ tăng thêm 55%. Sự gia tăng nhu cầu này đã dẫn đến sự thiếu hụt năng lượng nghiêm trọng và tiết kiệm năng lượng đã trở thành vấn đề cấp thiết không chỉ đối với các nguồn tài nguyên mà còn đối với môi trường sống, vì sự phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên đã tăng lên nhanh chóng.

Chung tay cùng xu hướng tiết kiệm năng lượng, hằng năm Công ty đều xây dựng “Chương trình hành động tiết kiệm, chống lãng phí” trong đó luôn chú trọng các chỉ tiêu sử dụng tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu, v.v... Năm 2016, lượng điện tiêu thụ của toàn Công ty là 209.898 KW với chi phí là 521.617.862 đồng, chủ yếu phục vụ khối văn phòng; xăng cho xe ô tô tiêu thụ 1.400 lít với chi phí 18.016.010 đồng. Nguồn cung cấp nước chủ yếu nguồn thủy cục, năm 2016 lượng nước tiêu thụ phục vụ khối văn phòng Công ty là 2.140 m³.

Các chỉ tiêu về môi trường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/tháng	206
2	Chất thải rắn sản xuất		1.200
3	Nước thải sinh hoạt	m ³ /tháng	2.230
4	Nước thải sản xuất		95

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Phương pháp xử lý
1	Cặn dầu	lỏng và bùn	302.930	-Thuê xử lý: 151.800 (kg/năm) chuyển lên các cơ sở có chức năng xử lý. -Tự xử lý: 151.130 (kg/năm) đốt tại tàu bằng thiết bị được phê duyệt.

Tuân thủ pháp luật môi trường

Năm qua, Công ty luôn chấp hành và thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, do vậy Công ty không bị xử phạt trong các vấn đề liên quan đến môi trường.

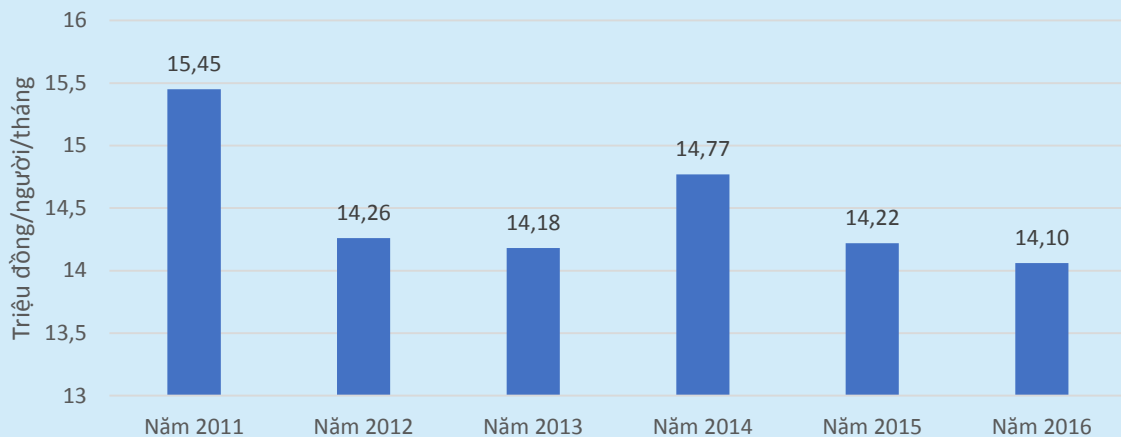


Chính sách với người lao động

Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2016 của Công ty là: 949 lao động

Thu nhập bình quân ước đạt 14.100.000 đồng/người/tháng

Thu nhập bình quân của Công ty qua các năm

**Chính sách lương, thưởng cho Cán bộ công nhân viên, Sĩ quan thuyền viên năm 2016**

Năm 2016, Công ty đã kịp thời xây dựng Quy chế Tiền lương và Thu nhập 2016 phù hợp các quy định mới về chính sách lao động, tiền lương của Nhà nước cũng như sát với thực tế hoạt động SXKD của Công ty. Trong đó, xây dựng lại hệ thống thang bảng lương mới phù hợp Nghị định 49/NĐ-CP, tiến hành chuyển xếp lương cho toàn bộ CBNV, SQTV theo mức lương tối thiểu vùng mới là 3.500.000 đồng.

Tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2016, Công ty đã triệt để tiết kiệm chi phí, trong đó có rà soát lại lao động, cắt giảm nhân sự. Tiền lương và phụ cấp bình quân CBNV, SQTV vẫn giữ được mức tương đương so với năm 2015, đây là sự cố gắng rất lớn của Công ty trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty gặp nhiều khó khăn thách thức. Trong đó khối sản xuất chính (vận tải biển Công ty) chỉ giảm 7,16 %, khối sản xuất khác tiền lương còn tăng hơn so với năm 2015.

Phân chia tiền lương, tiền công lao động ngoài chức trách thuyền viên thực hiện đúng quy định và Quy chế Tiền lương và thu nhập Công ty. Thực hiện trả lương qua tài khoản cá nhân có tác dụng tốt đối với SQTV làm việc trên tàu.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về tài chính, thu không đủ bù chi, nợ các nhà cung cấp nhiều, ưu tiên nguồn tiền thu cước cho hoạt động đội tàu Công ty, nhưng Công ty vẫn nỗ lực trả lương đúng hạn hàng tháng cho CBNV, SQTV, cũng như tiền lương tiêu vật cho thuyền viên ở cảng nước ngoài, không còn tình trạng trả chậm như các năm trước. Tiền công lao động ngoài chức trách của thuyền viên tuy vẫn còn tiếp tục nợ nhưng đến cuối năm Công ty cũng đã thanh toán được một phần đáng kể giúp anh em thuyền viên hết sức phấn khởi. Đáng chú ý là thời hạn chi trả tiền lương được bảo đảm theo quy định MLC 2006 đối với thuyền viên làm việc trên các tàu Công ty.

Tiền thưởng

Thực hiện việc khen thưởng đúng quy chế của Công ty, năm 2016, Công ty chi khen thưởng hơn 43 triệu đồng. Tuy nhiên, do Quỹ khen thưởng còn hạn chế, nên mức chi thưởng hoạt động phong trào các danh hiệu thi đua còn thấp, chưa thật sự khuyến khích được sự đóng góp của tập thể, cá nhân có thành tích trong các phong trào thi đua và lao động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phúc lợi

Hoạt động phục vụ cho phúc lợi của Công ty năm 2016 đúng theo quy chế, chủ yếu cho tham quan, nghỉ mát CBNV, SQTV hàng năm do Công đoàn Công ty đứng ra tổ chức, đạt kết quả tích cực. Năm 2016, đã tổ chức được 240 lượt CBNV, SQTV đi nghỉ mát với kinh phí là 730 triệu đồng. Tiếp tục duy trì các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách Công ty (Bà mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty phụng dưỡng, cán bộ lãnh đạo, quản lý nghỉ hưu của Công ty và Bộ GTVT, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam) vào dịp Tết Nguyên đán.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Năm 2016, Công ty đã cử CBNV tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm phục vụ công việc chuyên môn, cụ thể như sau:

- ✓ Ngày 21-22/01/2016, tập huấn "*Những thay đổi về hệ thống trả lương phù hợp với chế độ BHXH theo Thông tư 47/2015, Nghị định 115/2015*": 03 nhân viên được cử đi học đã hoàn thành tốt khóa đào tạo;
- ✓ Ngày 17/03/2016, tập huấn "*Phổ biến những nội dung cơ bản của Luật BHXH – BHYT*": 02 cán bộ nhân viên được cử đi học đã hoàn thành tốt khóa đào tạo;
- ✓ Ngày 10/08/2016: tập huấn về "*Khai thác phần mềm hệ thống thông tin quản lý và báo cáo phục vụ điều hành*": 01 cán bộ được cử đi học đã hoàn thành tốt khóa đào tạo;
- ✓ Ngày 08-09/9/2016: tập huấn về "*Nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ quản lý cấp trung và kỹ năng giao việc cho cấp dưới*": 04 cán bộ được cử đi học đã hoàn thành tốt khóa đào tạo;
- ✓ Ngày: 28/11/2016: tập huấn "*Triển khai quy định mới về quản lý tiền lương trong doanh nghiệp*": 02 cán bộ nhân viên được cử đi học đã hoàn thành tốt khóa đào tạo.



Kế hoạch tiền lương, thưởng năm 2017***Dự kiến tiền lương***

Công ty đã rà soát, xây dựng lại kế hoạch lao động, xây dựng quỹ tiền lương theo quy định Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016. Theo đó, năm 2017 quỹ lương được xác định theo mức lương bình quân và số lao động bình quân gắn liền với năng suất lao động. Phân biệt rõ quỹ lương người lao động và quỹ lương người quản lý chuyên trách, trong đó mức lương của người quản lý là người đại diện phần vốn Nhà nước gắn liền với việc bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tiền lương và phụ cấp giữ mức tương đương năm 2016 và sẽ điều chỉnh theo tình hình thực tế. Cuối năm, tiền lương bổ sung căn cứ vào thực tế nguồn còn lại sau khi trả lương hàng tháng. Cuối năm sẽ xác định quỹ lương thực hiện năm 2017 theo quy định.

Dự kiến tiền thưởng

Do nguồn Quỹ khen thưởng không có, nên hoạt động khen thưởng chỉ sử dụng để khen thưởng tập thể và cá nhân Công ty đạt danh hiệu thi đua xuất sắc năm 2017 theo phát động của Tổng giám đốc và Ban Thường vụ Công đoàn Công ty, dự kiến chi 100 triệu đồng.

Dự kiến phúc lợi

Do nguồn Quỹ phúc lợi hạn hẹp, nên chủ yếu chi thăm hỏi, trợ cấp cho người lao động khi bị tai nạn, mất, ốm đau nằm viện dài ngày, sinh con, nghỉ hưu, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Hạn chế hoạt động khác chưa thật sự cần thiết và giảm chi tối đa.





Những hoạt động và đóng góp của Công ty với xã hội

Năm 2016, Công ty đã chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải của đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi những sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả tối đa nguồn nguyên liệu, giảm tối đa khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Thực hiện nghiêm túc việc đóng góp cho quỹ Phòng chống thiên tai TP.HCM năm 2016 gần 115 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty còn phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng Công ty trú đóng.

Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với CBNV, SQTV để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty trong năm là 14.100.000 đồng/người/tháng. Nhân dịp ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Công đoàn Công ty đã tổ chức tuyên dương, khen thưởng và tặng quà cho con CBNV, SQTV học giỏi, có hoàn cảnh khó khăn, hiếu học 244 phần quà và tổ chức văn nghệ thiếu nhi với tổng chi phí khoảng 135 triệu đồng.

Ngoài ra, công tác xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty được duy trì và đẩy mạnh góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa CBNV, SQTV trong Công ty. Năm 2016, Công đoàn Công ty đã tổ chức các hoạt động văn nghệ chào mừng các ngày Lễ lớn, trong đó có tổ chức thi hát karaoke kỷ niệm ngày 20.10 và tham gia hội diễn văn nghệ quần chúng do Tổng Công ty Hàng hải tổ chức; khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao.

Duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBNV, SQTV với xã hội và cộng đồng cũng như phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty. Mặc dù tình hình tài chính Công ty cực kỳ khó khăn, trong năm 2016, Công ty đã tổ chức bàn giao 1 căn nhà tình thương tại huyện Chợ Lách, Bến Tre (trị giá 40 triệu đồng). Công ty cũng tổ chức thăm hỏi, tặng quà Bà Mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty phụng dưỡng tại Quảng Nam và Bến Tre (27,6 triệu đồng).

Công đoàn Công ty đã phối hợp với chính quyền và Đoàn TNCS HCM vận động CBNV, SQTV đóng góp ủng hộ quần áo (đã qua sử dụng) cho đồng bào nghèo vùng sâu, vùng xa, miền núi. Đóng góp quỹ xã hội Công đoàn Tổng Công ty Hàng hải (50 triệu đồng); Ủng hộ đồng bào vùng bị thiệt hại do thiên tai vào Quỹ Tấm lòng vàng thông qua Công đoàn Tổng Công ty Hàng hải 20,38 triệu đồng; Ủng hộ đồng bào các tỉnh miền Trung khắc phục hậu quả do thiên tai, lũ lụt năm 2016 gần 51 triệu đồng. Tham gia hiến máu nhân đạo, v.v...

Mặc dù tình hình tài chính hết sức khó khăn nhưng Công ty vẫn nỗ lực tham gia đầy đủ các hoạt động công tác xã hội, cộng đồng địa phương như hoạt động từ thiện, xây nhà tình thương, hiến máu nhân đạo, bảo vệ môi trường xanh-sạch-đẹp, ủng hộ người nghèo, v.v... với tinh thần trách nhiệm cao, thể hiện truyền thống tốt đẹp về tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách.







BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển tương lai

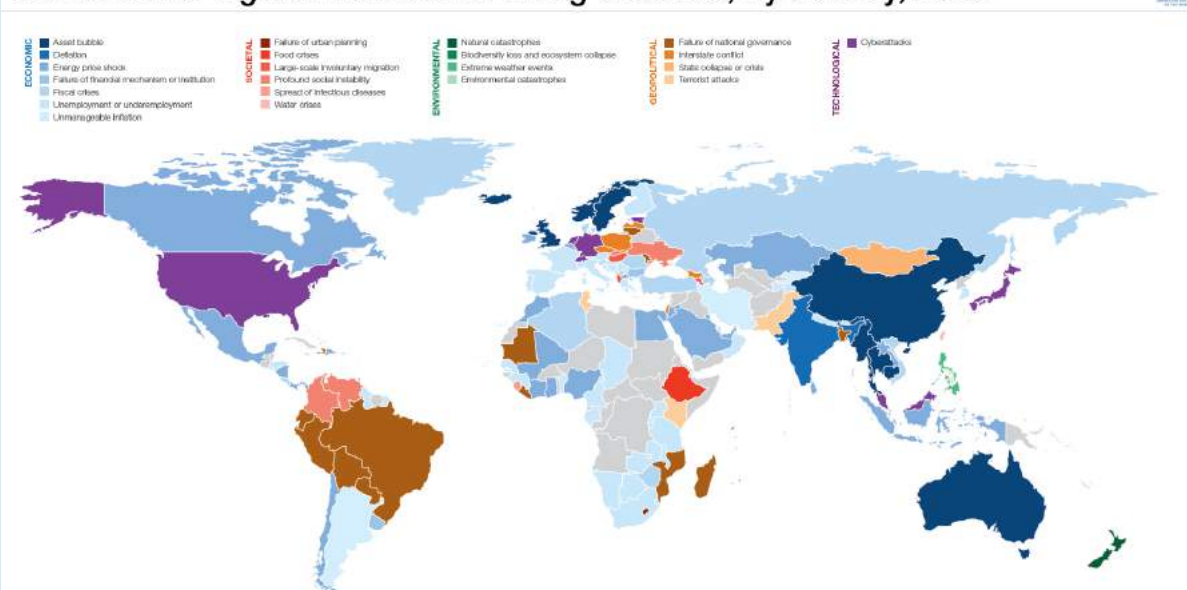
Các nhóm giải pháp chủ yếu



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thị trường

Global risk of highest concern for doing business, by country, 2016



Tình hình thế giới

Kinh tế toàn cầu năm 2016 đã phải đối mặt với nhiều rủi ro như: giá cả hàng hóa giảm, nhất là giá dầu chưa ổn định; nợ doanh nghiệp ở các nước đang phát triển tăng cao, bất ổn trên các thị trường tài chính gia tăng. Bên cạnh đó, nạn khủng bố lan rộng, cuộc khủng hoảng người di cư châu Âu để lại hậu quả nặng nề, hòa bình Siri vẫn chưa được văn hồi, thiên tai và các bệnh dịch nguy hiểm hoành hành vẫn là những mối nguy hại ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế toàn cầu.

Tổng Giám đốc IMF Christine Lagarde nhận định, nhìn chung, triển vọng kinh tế thế giới tiếp tục yếu đi trong năm qua do kinh tế Trung Quốc giảm tốc, giá hàng hóa giảm và chính sách thắt chặt tài chính của nhiều quốc gia.

Bên cạnh đó, cuộc khủng hoảng giá dầu (từ mức 100 USD/thùng năm 2014 xuống gần 25 USD/thùng vào tháng 1-2016), sau đó có phục hồi vào quý II nhưng cũng không vững chắc; nhìn chung giá nguyên liệu đầu vào của sản xuất vẫn thấp đã gây suy thoái kinh tế cho nhiều nước xuất khẩu các mặt hàng hóa này như: Nga, Venezuela, Brazil, v.v... đồng thời gián tiếp tác động đến các nền kinh tế mới nổi và làm ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế toàn cầu.

Ngoài ra, năm qua, cả thế giới còn được chứng kiến sự kiện người dân Vương quốc Anh bỏ phiếu tán thành rời khỏi Eu hay còn gọi là "Brexit". Mặc dù sự kiện này đã được dự đoán trước đó nhưng giới chuyên gia và dư luận vẫn bị bất ngờ về mức độ hậu quả của nó đến kinh tế toàn cầu như vừa qua. Ngay sau khi có kết quả chính thức về Brexit, đồng USD và hàng loạt các đồng tiền khác trên thế giới, nhất là châu Á đều trượt giá, giá dầu cũng giảm mạnh, thị trường chứng khoán toàn cầu ngập tràn sắc đỏ... IMF cảnh báo kịch bản Brexit sẽ tiếp tục tác động tiêu cực mạnh mẽ không chỉ với nền kinh tế Anh mà còn với nhiều nền kinh tế châu Âu và kinh tế toàn cầu.

Thị trường vận tải hàng rời

Năm 2016 là năm tồi tệ nhất đối với thị trường vận tải biển hàng khô rời thế giới. Sau khi lập mức đáy trong lịch sử hơn 30 năm qua của ngành vận tải biển thế giới vào ngày 10/02/2016 ở mức 290 điểm, chỉ số BDI dần ổn định và đạt mức cao nhất là 1.261 điểm hồi giữa tháng 11, chủ yếu nhờ phân khúc thị trường tàu Capesize vận chuyển quặng sắt nhập khẩu vào Trung Quốc. Mặc dù tình hình thị trường có cải thiện dần từ quý III xong chỉ cải thiện với thị trường của các tàu Capesize và Panamax cũng như chỉ cải thiện đối với thị trường tại Đại Tây dương và Địa Trung hải do vậy đội tàu của Công ty không hưởng lợi được gì từ sự thay đổi của thị trường thế giới. Hơn thế nữa, từ giữa tháng 11/2016, thị trường lại theo đà giảm điểm liên tục trên tất cả các tuyến/các size tàu khiến thị trường chỉ chuyển từ tình trạng “quá thê thảm” trong quý I sang tình trạng “ảm đạm” và “bất an” trong những tháng cuối năm. Chỉ số BDI và BHSI bình quân năm 2016 lần lượt ở mức 673 điểm và 360 điểm, giảm 6% và 2% so với năm 2015.

Trong 5 tháng đầu năm 2016, hoạt động phá dỡ tàu khô rời trên thế giới diễn ra khá sôi động nhưng chủ yếu tập trung ở phân khúc tàu cỡ lớn như Capesize và Panamax (chiếm đến 77% tổng trọng tải tàu hàng khô rời phá dỡ trong 6 tháng đầu năm 2016). Nguồn cung tàu cỡ Handy vẫn trong tình trạng dư thừa nên thị trường cước ở phân khúc tàu nhỏ vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và sẽ chưa thể tăng mạnh. Dần về cuối năm, các chủ tàu bắt đầu hạn chế hoạt động phá dỡ tàu trong khi vẫn giữ nguyên tốc độ đưa tàu đóng mới vào khai thác khiến cho lượng



cung tàu của cả năm 2016 tăng cao hơn so với dự kiến và ước đạt khoảng 2,2%.

Bên cạnh đó năng lực cạnh tranh với các Doanh nghiệp ngoại còn rất hạn chế. Hiện nay, có đến hơn 80% đội tàu biển đăng ký hoạt động tuyến quốc tế của Việt Nam chỉ hoạt động trên các tuyến gần. Đơn cử như đội tàu container hầu hết mới chỉ hoạt động vận tải nội địa và trong khu vực Đông Nam Á, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, nhưng tần suất thấp. Đội tàu dầu chủ yếu vận chuyển xăng dầu nhập khẩu từ Singapore, Malaysia và Trung Đông.

Với hoạt động vận tải biển nội địa, đội tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam đã cơ bản đảm nhận được hơn 90% lượng hàng vận tải nội địa bằng đường biển. Tuy nhiên, vận tải biển nội địa vẫn khó khăn do giá cước thấp, nguồn hàng khan hiếm và mất cân đối giữa 2 chiều Bắc-Nam.



Trước diễn biến không mấy khả quan của thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty năm qua đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Năm qua, cước phí giảm sâu trên tất cả các tuyến. Cụ thể, so với cùng kỳ năm 2015: cước chở gạo và nông sản trong khu vực Đông Nam Á bình quân giảm lần lượt 22% và 13%; cước chở nông sản tuyến Nam Mỹ/Đông Nam Á giảm 20%, cước chở đường tuyến Nam Mỹ/Tây phi giảm 21%, cước chở gạo tuyến Đông Nam Á/Tây phi giảm 25%, cước chở quặng trong khu vực Tây Phi/Đông Nam Á giảm 35%, bình quân cước cho thuê định hạn giảm 27%. Thêm vào đó, thời gian chờ đợi đầu bến thường kéo dài cộng thêm các tàu cỡ 22.500 – 24.000 DWT hiện tại chỉ phù hợp với hàng bao kiện, hàng nội địa và một số lô hàng rời nhỏ đã tạo nên khó khăn liên tiếp cho Công ty.

Kinh doanh vận tải biển

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH 2016/ KH 2016	TH 2016/ TH 2015
SL vận chuyển	<i>Tấn</i>	1.722	1.265	1.135	90%	66%
SL luân chuyển	<i>Tỷ TKm</i>	9,56	8,55	8,74	102%	91%
I. Doanh thu các hoạt động	<i>Tỷ VNĐ</i>	887,96	625,11	603,20	96%	68%
Trong đó:						
+ Kinh doanh vận tải	<i>Tỷ VNĐ</i>	685	494,79	455,29	92%	66%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	<i>Tỷ VNĐ</i>	202,96	130,32	147,91	114%	73%
II. Lãi (+)/Lỗ (-)	<i>Tỷ VNĐ</i>	-194,02	-262,54	-262,64	-	-

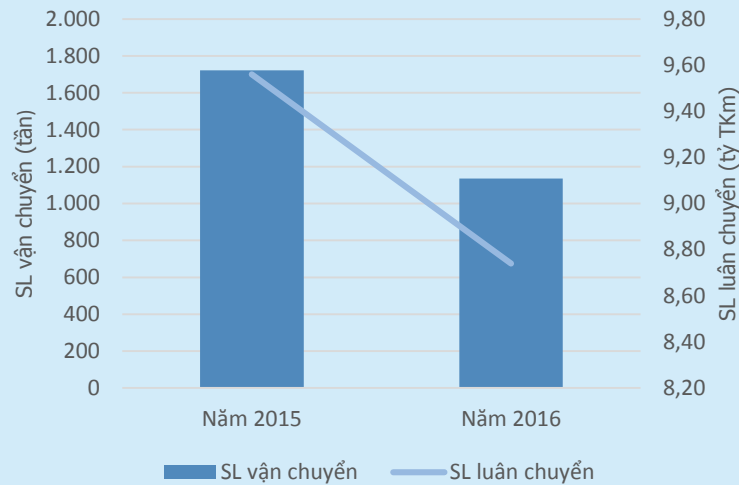
Tổng doanh thu năm 2016 của Công ty đạt 603,20 tỷ đồng chỉ đạt 96% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm và giảm 32,07% so với cùng kỳ năm 2015. Tình hình kinh tế khó khăn cùng giá cước và sản lượng vận chuyển giảm là nguyên nhân chính gây ra sự sụt giảm doanh thu năm qua của Công ty, mặc dù vậy, năm qua Công ty vẫn cố gắng giữ cho đội tàu hoạt động an toàn, cố gắng duy trì hoạt động kinh doanh chính, sản xuất phụ và đảm bảo việc làm cũng như an toàn cho người lao động.

Cụ thể, doanh thu vận tải biển đạt 455,29 tỷ đồng, chỉ đạt 92% kế hoạch và giảm 33,53%, tương đương 229,71 tỷ đồng so với cùng kỳ (trong đó Pdimex chiếm 18 tỷ đồng).

Ngoài yếu tố năng lực vận tải giảm (do giao 2 tàu cho ngân hàng hàng hải) thì nguyên nhân chủ yếu do thị trường vận tải biển vẫn chưa được cải thiện thậm chí thị trường những tháng đầu năm còn chìm sâu trong khủng hoảng. Các tàu của Công ty với cỡ tàu 22.500-24.000 DWT hiện tại chỉ phù hợp với hàng bao kiện, hàng nội địa và một số lô hàng rời nhỏ, cước rất thấp và thời gian chờ đợi đầu bến thường kéo dài.

Doanh thu các dịch vụ kinh doanh khác (đã trừ doanh thu nội bộ) thực hiện gần 148 tỷ đồng, vượt kế hoạch 14% nhưng giảm 27,12%, tương đương 55,05 tỷ đồng (trong đó Pdimex chiếm 59,6 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

Sản lượng



Kinh doanh chủ yếu trên các tuyến

- Khu vực Đông Nam Á chiếm 20%, giảm 1% so với cùng kỳ, chở clinker (48%), gạo (19%), phân bón (11%), nông sản (9%), v.v...
- Từ khu vực Nam Mỹ - Đông Nam Á chiếm 28%, tăng 11% so với cùng kỳ, chuyên chở nông sản.
- Từ khu vực Đông Nam Á - Tây Phi chiếm 23%, tăng 5% so với cùng kỳ, chuyên chở gạo.
- Từ khu vực Nam Mỹ - Tây Phi chiếm 14%, giảm 8% so với cùng kỳ chở đường (66%) và nông sản (34%).
- Các tuyến khác: 10%.

Năng lực vận tải

Đến cuối tháng 12/2016, đội tàu công ty kinh doanh còn 9 chiếc, tổng trọng tải 175.118 DWT (trong đó có 2 tàu trọng tải 6.500 DWT, 7 tàu còn lại từ 22.000 - 24.000 DWT). Trọng tải bình quân của đội tàu năm 2016 là 177.131 DWT, giảm 22% so với cùng kỳ năm 2015 (bàn giao tàu VTC Sky cho người mua vào ngày 30/1/2015, chuyển nhượng cho Maritime Bank tàu VTC Tiger vào ngày 14/10/2015 và tàu VTC Ace bàn giao thực tế vào cuối tháng 1/2016).

Nguyên nhân không đạt được kế hoạch đề ra

Thị trường vận tải biển vẫn chưa được cải thiện thậm chí thị trường những tháng đầu năm còn chìm sâu trong khủng hoảng. Các tàu của Công ty với cỡ tàu 22.500-24.000 DWT hiện tại chỉ phù hợp với hàng bao kiện, hàng nội địa và một số lô hàng rời nhỏ, cước rất thấp và thời gian chờ đợi đầu bến thường kéo dài. Một số khoản phí cho đội tàu tăng so với kế hoạch:

- + Chi phí nhiên liệu tăng so với kế hoạch: lượng tiêu thụ tăng do một số tàu không cho thuê định hạn theo kế hoạch và giá nhiên liệu tăng vào những tháng cuối năm.
- + Lãi vay tăng 35% so với kế hoạch do lãi phạt.
- + Hạch toán 8 tỷ thuế GTGT 2009-2010 không được khấu trừ theo kết luận kiểm toán nhà nước năm 2015.



Đầu tư và bán tài sản

Tình hình tài chính của Công ty tiếp tục gặp khó khăn trong bối cảnh thị trường vận tải biển không có nhiều dấu hiệu khả quan nên hoạt động đầu tư các dự án lớn như mua sắm tàu, bất động sản, v.v...không được lập trong năm 2016.

Bên cạnh đó, trong năm công ty liên kết Pdimex JSC của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do sự biến động và dịch chuyển của thị trường ngành hàng cung cấp nguyên vật liệu Thạch cao Thái Lan dùng cho sản xuất xi măng; đây là ngành sản xuất kinh doanh truyền thống chính của Pdimex JSC (chiếm 95% Tổng DT hằng năm của Công ty). Cụ thể công ty Pdimex JSC đã gặp phải sự cạnh tranh dữ dội và mạnh mẽ từ những tập đoàn kinh tế lớn của nước ngoài, dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2016 bị lỗ. Do đó, Vitranschart đã phải trích lỗ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn 659,9 triệu đồng, tương đương với tỷ lệ vốn góp 26,46% của Vitranschart tại Pdimex JSC.

Ngoài ra, trong năm 2016 Công ty đã tiến hành giải thể công ty con là Công ty TNHH SC tàu biển Phương Nam vào ngày 19/09/2016 và hai chi nhánh là chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu và chi nhánh Bình Định do những khó khăn trong công tác tài chính và khó khăn chung của thị trường.

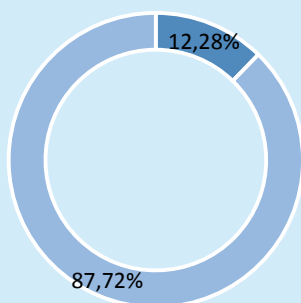
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	233.873	181.268	-22,49%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.671.224	1.558.854	-6,72%
Tổng cộng	Triệu đồng	1.905.097	1.740.122	-8,66%

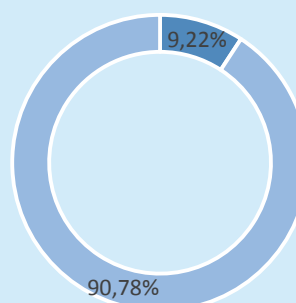
Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2016

Năm 2015



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2016



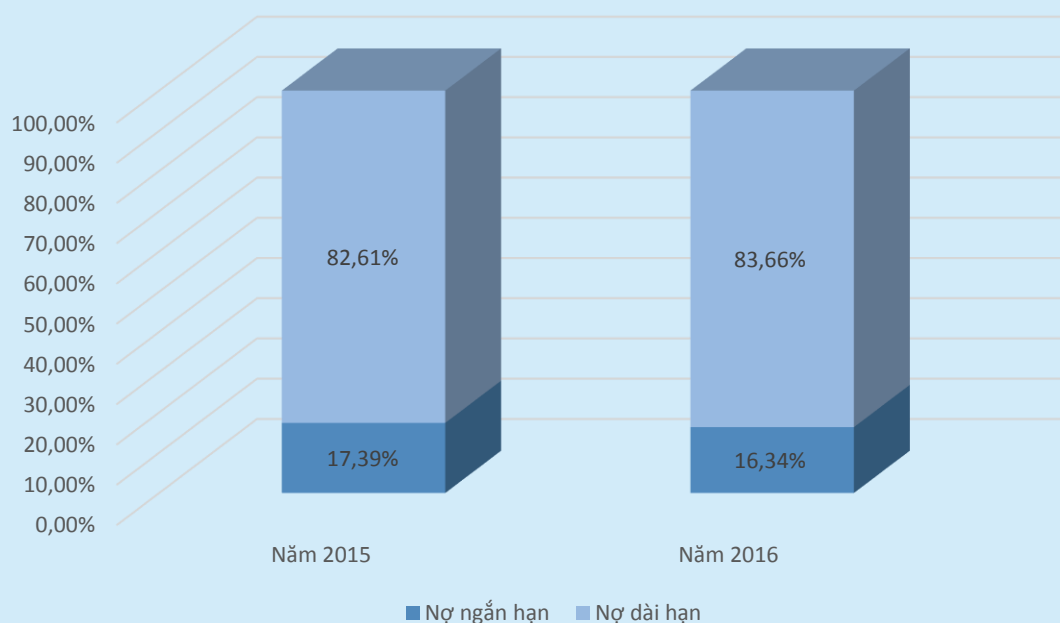
■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn



Nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	366.802	360.746	-1,65%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	1.742.857	1.846.910	5,97%
Tổng cộng	Triệu đồng	2.109.659	2.207.656	4,65%

Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2016



Nợ dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, cụ thể tại thời điểm cuối năm 2016 nợ dài hạn đạt mức 1.846 tỷ đồng, chiếm 83,66% so với cùng kỳ năm 2015. Tổng nợ vay của Công ty đạt mức 2.207 tỷ đồng với cơ cấu nợ không có nhiều biến động. Đây là các khoản vay có thời hạn từ 3 – 5 năm từ các ngân hàng thương mại cổ phần có mức lãi suất áp dụng cho từng kế ước nhận nợ, do vậy có thể thấy áp lực trả lãi của Công ty trong năm qua là rất lớn.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Tình hình thị trường năm 2017



Ngành hàng hải nói chung và thị trường vận tải biển hàng khô rời nói riêng chỉ có thể cải thiện rõ rệt trong vài năm nữa. Tháng 5/2016, Bimco (Hiệp hội vận tải biển Quốc tế) nhận định thị trường hàng khô rời dự báo sẽ chỉ có thể hồi phục và mang lại lợi nhuận cho các chủ tàu sớm nhất là năm 2019 nếu như các chủ tàu áp dụng liên tục và đồng loạt các biện pháp cứng rắn đặc biệt trong hoạt động phá dỡ tàu nhằm đảm bảo tăng trưởng đội tàu chỉ ở mức 0% như đã từng diễn ra vài lần trong giai đoạn những năm 1980 và 1990. Tuy nhiên, theo những gì diễn ra trong thị trường phá dỡ và đóng mới vào 6 tháng cuối năm 2016 thì thời điểm phục hồi dự báo này có thể sẽ còn xa hơn nữa.

Những diễn biến sôi động trong những tháng quý III/2016 và đầu quý IV/2016 được nhận định chỉ xảy ra trong ngắn hạn và dự báo sẽ không tiếp tục được duy trì trong năm 2017. Theo dự báo, thị trường cước sẽ vẫn thấp và tiềm ẩn nhiều rủi ro (đặc biệt là nhu cầu nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc hết sức bấp bênh, không ổn định).

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Dựa vào tình hình thực tế của đội tàu công ty, kết hợp với các nhận định về xu hướng thị trường vận tải biển, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 như sau :

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017
Sản lượng vận chuyển	Triệu tấn	1,30
Sản lượng luân chuyển	Tỷ TKm	6,80
Doanh thu	Tỷ VND	646,00
Lãi (lỗ)	VND	-324,80



CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- ✓ Linh động giữa các hình thức khai thác kinh doanh tàu để giảm thiểu những rủi ro do hàng hóa khan hiếm, chờ cầu, thiếu vốn lưu động.
- ✓ Tăng cường khai thác trên các tuyến ngắn, chạy trong nước.
- ✓ Thuê tàu trần (bare boat) hoạt động, nhằm tăng năng lực vận tải cho đội tàu, tạo việc làm cho SQTV.
- ✓ Thông qua đại lý, các nhà môi giới để cập nhật, đánh giá lại năng lực các cảng mà tàu Công ty có kế hoạch đến làm hàng trước khi ký hợp đồng vận chuyển nhằm tránh tình trạng tàu phải nằm chờ hàng, chờ cầu bến ...; hợp tác chặt chẽ với chủ hàng, đại lý, chính quyền cảng để thu xếp cho tàu làm hàng nhanh, giảm thiểu thời gian chờ đợi.
- ✓ Tiếp tục kiểm soát và chỉ đạo tốc độ chạy tàu, đảm bảo tàu vận hành với tốc độ hợp lý; giám sát chặt chẽ định mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt, nước ngọt...
- ✓ Thường xuyên bảo dưỡng, bảo quản tàu; lập kế hoạch mua phụ tùng thay thế phù hợp, đúng thời điểm, không thay quá sớm so với quy định để tránh lãng phí, không sử dụng quá thời gian quy định để tránh rủi ro, sự cố, hỏng hóc.
- ✓ Duy trì hoạt động an toàn, liên tục cho đội tàu, đảm bảo an toàn tối đa cho con người, phương tiện và hàng hóa, tránh bị bắt giữ hoặc bị từ chối cung cấp nhiên liệu, vật tư, dịch vụ do nợ nhiều và quá hạn.
- ✓ Khẩn trương ứng phó và khắc phục các khuyến cáo PSC, tuân thủ MLC-2006, ISM Code, ISPS tránh bị PSC bắt lỗi và đưa vào danh sách đen gây ảnh hưởng đến hoạt động của tàu và uy tín của Công ty trên thị trường vận tải biển quốc tế.
- ✓ Quản lý chặt chẽ định mức chi phí, kiểm soát thu chi hợp lý và kịp thời, vận dụng chính sách tài chính kế toán phù hợp từng hoàn cảnh.
- ✓ Tiếp tục triển khai các phương án xử lý nợ vay theo hướng có lợi cho Công ty tại từng ngân hàng.
- ✓ Duy trì và phát triển hoạt động cho thuê thuyền viên, đây là hoạt động kinh doanh Công ty có lợi thế.









ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Kế hoạch và định hướng phát triển của Công ty

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tình hình chung kinh tế thế giới

Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu cả năm 2016 mức 3,16% (chưa tính bất ổn từ sự kiện Anh quyết định rời Liên minh châu Âu (Brexit), thấp hơn mức tăng trưởng của năm 2015 là 3,2%. Mỹ - nền kinh tế lớn nhất thế giới mất động lực tăng trưởng trong quý II khi GDP chỉ tăng 1,1% so với mức tăng 1,6% trong quý I/2016 và đến quý III/2016 mới quay trở lại

mức tăng trưởng 1,6% so với mức 2,6% cả năm 2015.

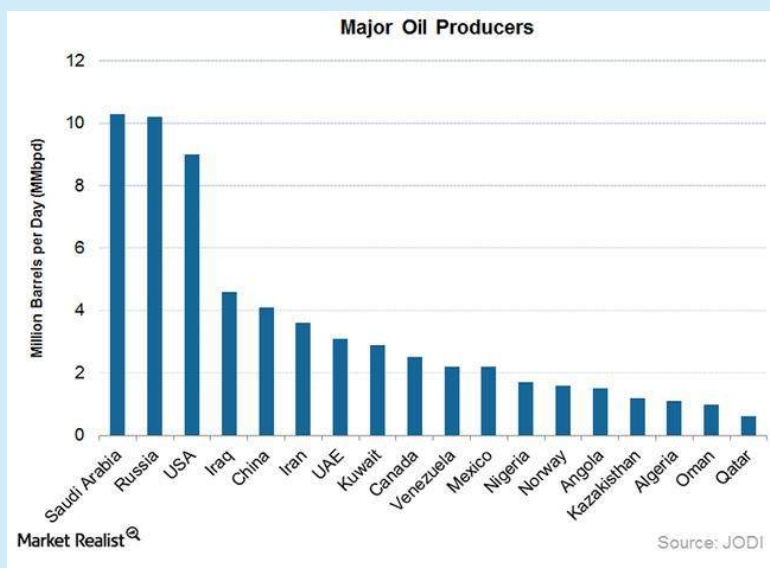
Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới cũng không nằm ngoài xu hướng suy giảm kinh tế, tuy nhiên tình hình kinh tế vẫn khả quan hơn so với Mỹ. Trong 3 quý đầu năm 2016, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đều đạt mức 6,7% và dự kiến mức tăng trưởng kinh tế quý IV cũng đạt 6,7%.

Tại khu vực Liên minh châu Âu (EU), tăng trưởng GDP ở mức thấp (1,7%) trong 3 quý đầu năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là do cuộc khủng hoảng của di cư do cuộc nội chiến tàn khốc ở Syria; người dân Vương quốc Anh bỏ phiếu tán thành rời khỏi EU, hay rủi ro tài chính đang nổi lên ở nước Ý (nền kinh tế lớn thứ ba khu vực EU) với khoản nợ xấu của khu vực ngân hàng lên tới hơn 40 tỷ USD đã một lần nữa làm kinh tế thế giới ngày càng khủng hoảng.

Năm qua, với hai thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu thô của OPEC và một số nước nằm ngoài tổ chức đã giúp thị trường dầu mỏ tạm thời thoát khỏi tình trạng trượt giá mạnh kể từ giữa năm 2014. Động thái này đã giúp giá dầu thô tăng lên trên ngưỡng 50 USD/thùng kể từ giữa tháng 12/2016. Tuy nhiên, với sự biến động khó đoán của kinh tế toàn cầu cùng những bất ổn chính trị như hiện nay thì xu hướng biến động của giá dầu trong thời gian tới rất khó có thể dự đoán.

Tình hình chung ngành vận tải biển

Thị trường vận tải biển thế giới vẫn đang trượt trên đà suy giảm từ năm 2008 tới nay. Các doanh nghiệp vận tải đang đối mặt với khó khăn và thách thức chưa từng có trong lịch sử ngành. Vào ngày 10/02/2016, BDI giảm xuống mức thấp kỷ lục trong lịch sử 209 điểm do sức cầu yếu trong khi nguồn cung quá lớn. Năm qua, cả thế giới đã chứng kiến nhiều doanh nghiệp lớn hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển phá sản như Hanjin – một trong 10 công ty dẫn đầu về vận tải container trên toàn thế giới và là hãng tàu lớn nhất Hàn Quốc...



Khó khăn của ngành vận tải biển thế giới cũng là khó khăn chung của ngành vận tải biển Việt Nam. Nhiều doanh nghiệp Việt gặp khó khăn do cước phí ngày càng giảm trong khi chi phí khấu hao vẫn còn rất lớn, số lượng đơn hàng giảm mạnh do xu hướng bảo hộ mậu dịch ngày càng là gia tăng trong khi nhiều tàu, thuyền không tìm được hàng hóa phù hợp với trọng tải, v.v...



Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm qua của Công ty vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế thế giới lao dốc, tình hình ngành vận tải biển nói chung và vận tải hàng khô nói riêng không mấy khả quan khi cung luôn vượt quá cầu.

Hiện tại, một số tàu của Công ty với máy móc thiết bị trong tình trạng kỹ thuật không còn tốt do tuổi tàu cao. Bên cạnh đó, các tàu của Công ty với cỡ tàu 22.500-24.000 DWT hiện tại chỉ phù hợp với hàng bao kiện, hàng nội địa và một số lô hàng rời nhỏ, cước rất thấp và thời gian chờ đợi đầu bến thường kéo dài. Do kết quả kinh doanh không đạt kết quả tốt đã ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2016. Do tỷ lệ vay nợ lớn đã dẫn tới chi phí lãi vay gia tăng mạnh nhưng khả năng thanh toán của Công ty còn hạn chế dẫn tới các ngân hàng ngày càng siết chặt đã gây nên tình trạng khó khăn cho Công ty trong việc xoay vòng vốn lưu động. Để giảm bớt gánh nặng nợ vay, trong 2 năm 2015 và 2016 Công ty đã thực hiện công tác bàn giao 2 tàu là VTC Sky cho người mua và VTC Tiger cho Maritime

Bank, điều này đã làm giảm năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhìn chung, trong năm qua Công ty đã trải qua khó khăn chưa từng có trong ngành vận tải hàng khô xuất phát từ năng lực hoạt động của Công ty còn hạn chế cùng với tình hình ảm đạm của thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh sức ép từ việc thanh toán nợ và tìm kiếm nguồn vốn để tái đầu tư, việc duy trì hoạt động chính của Công ty với phương châm không để người lao động nghỉ việc vì không có việc làm đã đặt ra không ít vấn đề chưa có hướng giải quyết cho Công ty. Ngoài ra, tình trạng quan liêu, chưa chịu khó trau dồi kỹ năng, kiến thức thực tế và diễn biến thị trường của một số bộ phận vẫn diễn ra, điều này gây khó khăn trong việc đưa ra các giải pháp phù hợp với thực tế thị trường đang diễn ra.



Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 cụ thể như sau:

Kết quả hoạt động SXKD	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	872.706	593.814
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	-119.057	-159.954
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-307.410	-338.047
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	113.555	10.355
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	-193.855	-327.692
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	-194.024	-262.645

Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	233.873	181.268	-22,49%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.671.224	1.558.854	-6,72%
Tổng cộng	Triệu đồng	1.905.097	1.740.122	-8,66%

Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2016

Nguồn vốn	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Nợ phải trả	Triệu đồng	2.109.659	2.207.656
- Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	366.802	360.746
- Nợ dài hạn	Triệu đồng	1.742.857	1.846.910
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	-204.562	-467.534
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	1.905.097	1.740.122

Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2015 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2016

Tình hình thực hiện kế hoạch

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2016	TH 2016	% so với KH
Sản lượng VC	Tấn	1.265	1.135	90%
Sản lượng LC	Tỷ TKm	8,55	8,74	102%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ VNĐ	625,11	603,20	96%

ĐÁNH GIÁ CỦA VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2016, với những khó khăn chưa từng có trong lịch sử ngành vận tải biển thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đã rất nỗ lực trong công tác điều hành mọi hoạt động của Công ty đi đúng định hướng mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra trước đó. Khó khăn triển miên khi đầu ra gặp nhiều khó khăn như tìm kiếm nguồn hàng hóa

phù hợp với trọng tải tàu của Công ty, cước phí trên các tuyến ngày càng giảm do cung vượt quá cầu nhưng lạm phát lại gia tăng, cơ sở vật chất của Công ty chưa thật hiện đại để đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, v.v... Bên cạnh đó, năm qua công tác xoay vòng vốn nhằm giảm bớt áp lực trả nợ cho các tổ chức tín dụng đồng thời trả lương đầy đủ cho Cán bộ công nhân viên trong toàn công ty là một bài toán vô cùng hóc búa dành cho Ban Tổng Giám đốc. Với tất cả sự nỗ lực, quyết tâm cũng như kinh nghiệm trong công tác điều hành, năm qua Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện thành công nhiệm vụ duy trì ổn định hoạt động kinh doanh chính của Công ty, thực hiện đúng tôn chỉ hoạt động trong Công ty là không để người lao động nghỉ việc vì không có việc làm. Ngoài ra, trong năm 2016 đã xảy ra nhiều biến cố lớn về kinh tế và chính trị có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã nắm bắt kịp thời, theo dõi, phân tích và đưa ra các đối sách phù hợp trong từng giai đoạn.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ✓ Nghiên cứu, phân tích diễn biến thị trường nhằm đưa ra chiến lược và hoạt động cụ thể để đưa Công ty vượt qua giai đoạn khủng hoảng;
- ✓ Tiến hành đánh giá hiệu quả từng đội tàu và đưa ra phương án thanh lý tàu không mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty; đồng thời xem xét lại hiệu quả kinh doanh từng lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm loại bỏ lĩnh vực yếu kém, không mang lại hiệu quả kinh tế;
- ✓ Tinh gọn bộ máy quản lý, quyết tâm bài trừ nạn quan liêu hướng tới xây dựng Công ty trong sạch, vững mạnh;
- ✓ Nghiên cứu khai thác hình thức kinh doanh mới, tuyển mới và khách hàng mới nhằm tăng hiệu quả kinh doanh;
- ✓ Đàm phán để có sự hỗ trợ về thanh khoản của Ngân hàng và nhà cung cấp hợp lý; Phát huy tối đa sự hỗ trợ của Nhà nước về chính sách và vốn;
- ✓ Tăng cường công tác đào tạo cán bộ công nhân viên, đặc biệt chú trọng hoạt động trang bị kiến thức thực tế, cập nhật tình hình đang diễn ra trên thế giới, kỹ năng mềm, v.v... nhằm tạo điều kiện phát triển cho các thuyền viên không chỉ về kiến thức chuyên môn mà còn nâng cao kỹ năng giải quyết tình huống thực tế.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục kiểm soát và chỉ đạo tốc độ chạy tàu, đảm bảo tàu vận hành với tốc độ hợp lý, tận dụng tối đa cơ hội tạo ra trong quá trình hoạt động sản xuất;
- Tối ưu hóa việc khai thác, sử dụng đội tàu hiện có;
- Quản lý chặt chẽ định mức chi phí, kiểm soát thu chi hợp lý và kịp thời, vận dụng chính sách tài chính kế toán phù hợp từng hoàn cảnh;
- Tối ưu hóa việc phát triển đội tàu và hoạch định kế hoạch kinh doanh trong tương lai.



Năm 2017 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên đối với Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam. Tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu diễn biến xấu, xung đột chính trị và dịch bệnh hoành hành... Bên cạnh đó, xu hướng bảo hộ mậu dịch đang có xu hướng gia tăng đã tạo ra khó khăn chồng chất cho ngành vận tải biển. Để đạt được kết quả như hiện nay là sự nỗ lực không ngừng nghỉ, với quyết tâm vô cùng mạnh mẽ của toàn thể Cán bộ công nhân viên cùng sự theo dõi và chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo.

Dấu hiệu khả quan về tình hình ngành vận tải biển được dự báo chỉ xuất hiện cho tới 2019, cho tới thời điểm đó, khó khăn và thách thức vẫn còn rất nhiều. Do vậy, trong năm 2017, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên sẽ phải sẵn sàng đương đầu với một sự quyết tâm mạnh mẽ chưa từng có để chèo lái con tàu mang tên Vintranschart JSC vượt qua giông bão để cập bến bờ vinh quang.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39404 271/125

Fax: 08 39404711

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CỦA CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
cho năm tài chính 2016

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số: 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83

Hà Nội, tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39404 271/125

Fax: 08 39404711

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 06
Báo cáo kiểm toán độc lập	07- 08
Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016	09 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2016	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2016	12-13
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016	14 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam, gọi tắt là "Công ty" đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ- BGTVT ngày 11/07/2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, cấp lại lần thứ 9 vào ngày 18/09/2015 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam

Tên tiếng anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **589.993.370.000 đồng**

(Bằng chữ: Năm trăm tám chín tỷ, chín trăm chín ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08 39 404 271/125

Fax : 08 39 404 711

Website : <http://www.vitranschart.com.vn>

Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam hiện đang đăng ký chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội, sàn giao dịch UPCOM với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337 cổ phiếu

Ngày niêm yết : 26/05/2015

Ngày chính thức giao dịch : 10/06/2015

Danh sách và các đơn vị trực thuộc

STT	Tên đơn vị	Thông tin về đơn vị trực thuộc
1.	CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng	Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
2.	CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)	Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

3. Văn phòng Đại diện tại Hà Nội

Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ Công ty con:

1. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)

Số 428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 5.500.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Giải thể theo Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại ngày 19/09/2016 của Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh.

Danh sách và địa chỉ Công ty liên kết:

1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)

Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 4.906.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 26,46%

Danh sách cổ đông góp vốn đến thời điểm 31/12/2016:

STT	Tên cổ đông	Loại (cổ phần)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Số tiền góp vốn (đồng)
1.	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Phổ thông	35.400.000	60%	354.000.000.000
2.	Cổ đông khác (3.087 cổ đông)	Phổ thông	23.599.337	40%	235.993.370.000

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ**Ngành nghề sản xuất kinh doanh:**

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;

- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cân hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)/.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

Ông Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch	Bầu từ ngày 24/04/2013
Ông Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch	Bầu từ ngày 24/04/2013
Ông Bùi Mạnh Cường	Thành viên	Bầu từ ngày 27/08/2015
Ông Huỳnh Nam Anh	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013

Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban	Bầu từ ngày 24/04/2013
Bà Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013
Bà Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên	Bầu từ ngày 24/04/2013

Ban Tổng Giám đốc:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 01/09/2015
Ông Huỳnh Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 09/05/2013
Ông Đặng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 20/05/2015
Bà Mai Thị Thu Vân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ 09/05/2013

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà là người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính 2016 của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê Tàu biển Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này từ trang 09 đến trang 38.

Các sự kiện, đặc điểm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

- Chi nhánh của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê Tàu biển Việt Nam tại tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chính thức ngừng hoạt động theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ- HĐQT ngày 18/02/2016 và theo Thông báo số 583/TB-ĐKKD ngày 02/06/2016 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh.
- Chi nhánh của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê Tàu biển Việt Nam tại TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 17/03/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam. Việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh đã có Thông báo số 190/TB-TGD của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Định ngày 07/04/2016.
- Công ty con của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê Tàu biển Việt Nam: Công ty TNHH MTV sửa chữa tàu biển Phương Nam đã giải thể theo Thông báo số 628837/16 ngày 19/09/2016 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp một cách trung thực và hợp lý;

- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuận;
- Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2016;
- Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM



PHẠM THỊ CẨM HÀ

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi@fpt.vn

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com



Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Số: 87 /2017/BCKT/BCTC - CPAHANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016 của
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam*

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 22/03/2017, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng

và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lưu ý đối với người đọc báo cáo

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp ngày 31/12/2016, Công ty đã xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với tổng số tiền là 219.702.343.782 đồng cho số chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng. Tuy nhiên, Công ty cần lập kế hoạch dự kiến số lãi cụ thể trong các năm tiếp theo để bù trừ với số lỗ phát sinh các năm trước, từ đó có căn cứ xác định khoản thuế thu nhập hoãn lại cho phù hợp.

Hơn nữa, đến thời điểm 31/12/2016, Công ty có số lỗ lũy kế là 1.072 tỉ đồng, vượt quá Vốn chủ sở hữu. Vấn đề này sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong năm tài chính tiếp theo.

Báo cáo này được lập thành 06 bản bằng Tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Tổng Giám đốc



NGUYỄN NGỌC TỈNH

Giấy CNĐKHN số 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN MINH TUỆ

Giấy CNĐKHN số 2726-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		181.268.247.300	229.228.098.168
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	21.592.897.856	31.826.359.451
1. Tiền	111		21.592.897.856	10.660.359.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	21.166.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.229.504.109	108.078.745.632
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.02	37.158.303.893	62.334.926.393
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	29.558.247.343	27.529.233.471
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	21.436.489.732	23.637.190.162
4. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	V.05	(1.923.536.859)	(5.422.604.394)
IV. Hàng tồn kho	140		41.066.495.212	56.236.817.762
1. Hàng tồn kho	141	V.06	41.066.495.212	56.236.817.762
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.379.350.123	33.086.175.323
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	10.150.503.510	20.333.199.683
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	14.108.822.108	9.126.776.513
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.09a	120.024.505	3.626.199.127
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.558.854.159.770	1.676.498.527.353
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.101.300.000	1.343.341.800
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	20.101.300.000	1.343.341.800
II. Tài sản cố định	220		1.291.677.499.611	1.470.550.841.242
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.290.608.506.355	1.468.569.933.033
- Nguyên giá	222		2.814.397.256.178	2.828.898.557.806
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.523.788.749.823)	(1.360.328.624.773)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.068.993.256	1.980.908.209
- Nguyên giá	228		8.011.141.315	7.658.291.325
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.942.148.059)	(5.677.383.116)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.518.769.985	2.517.190.638
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	6.518.769.985	2.517.190.638
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	6.246.143.000	12.406.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	5.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.906.000.000	4.906.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(659.857.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		234.310.447.174	189.681.153.673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	14.608.103.392	35.047.553.673
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	219.702.343.782	154.633.600.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.740.122.407.070	1.905.726.625.521

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.207.656.651.626	2.110.737.344.197
I. Nợ ngắn hạn	310		360.746.316.910	367.879.629.239
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	104.743.619.380	95.923.193.806
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	350.441.614	6.955.816.259
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.09b	267.878.284	294.515.651
4. Phải trả người lao động	314		30.859.670.012	27.197.985.383
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	26.629.948.726	25.306.290.939
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	26.749.652.000	31.223.350.561
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	40.829.910.086	21.372.967.359
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	127.794.282.144	157.008.170.587
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.520.914.664	2.597.338.694
II. Nợ dài hạn	330		1.846.910.334.716	1.742.857.714.958
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15b	-	500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	8.404.589.178	8.404.589.178
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	1.838.505.745.538	1.733.953.125.780
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(467.534.244.556)	(205.010.718.676)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	(467.534.244.556)	(205.010.718.676)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		589.993.370.000	589.993.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		589.993.370.000	589.993.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		88.258.000	88.258.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.662.314.492	9.662.314.492
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.056.797.540	4.934.983.765
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.072.334.984.588)	(809.689.644.933)
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		(809.689.644.933)	(616.102.114.707)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(262.645.339.655)	(193.587.530.226)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.740.122.407.070	1.905.726.625.521

Người lập biểu



Lê Kim Phụng

Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017



Tổng Giám đốc

Phạm Thị Cẩm Hà

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B02a-DN

Báo cáo tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****Năm 2016**

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	603.202.147.757	801.735.944.089
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.388.027.820	15.251.178.632
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	593.814.119.937	786.484.765.457
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	753.767.997.505	911.922.509.761
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(159.953.877.568)	(125.437.744.304)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	12.464.186.608	11.325.475.375
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	146.659.623.172	139.103.305.540
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		126.676.991.765	57.732.969.657
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	4.592.489.359	8.124.461.509
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	39.304.938.482	45.893.383.730
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(338.046.741.973)	(307.233.419.708)
11.	Thu nhập khác	31	VI.9	13.687.823.596	202.538.172.424
12.	Chi phí khác	32	VI.10	3.332.599.429	88.892.282.942
13.	Lợi nhuận khác	40		10.355.224.167	113.645.889.482
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(327.691.517.806)	(193.587.530.226)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	22.565.631	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(65.068.743.782)	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(262.645.339.655)	(193.587.530.226)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(4.452)	(3.281)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lê Kim Phụng



Mai Thị Thu Vân



Phạm Thị Cẩm Hà

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 38 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	(327.691.517.806)	(193.587.530.226)
2	Điều chỉnh cho các khoản		299.450.752.231	218.847.987.038
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	172.111.472.299	204.780.958.750
	- Các khoản dự phòng	03	3.499.067.535	(64.912.395)
	- Lãi, lỗ chênh lệch TGHD do ĐGL các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9.959.897.771	49.048.708.787
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.796.677.139)	(92.649.737.761)
	- Chi phí lãi vay	06	126.676.991.765	57.732.969.657
	- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3	Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	(28.240.765.575)	25.260.456.812
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	20.369.872.799	5.599.422.413
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	15.170.322.550	36.677.816.174
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	22.084.073.865	(71.846.168.414)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	30.622.146.454	11.889.750.359
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(936.878.208)	(15.858.837.430)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.565.631)	-
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	970.635.319	7.503.470.748
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	60.016.841.573	(774.089.338)
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, các TS dài hạn khác	21	(16.228.332.087)	(22.939.908.135)
2	Tiền thu từ th/lý, nhượng bán TSCĐ, các TS dài hạn khác	22	12.418.636.364	129.593.882.410
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.000.000.000)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.000.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.406.000.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	402.521.973	1.146.657.441
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.407.173.750)	111.206.631.716

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 38 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33	-	68.829.858.743
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.892.113.750)	(196.250.286.757)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(58.892.113.750)	(127.420.428.014)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(10.282.445.927)	(16.987.885.636)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.826.359.451	48.759.597.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	48.984.332	54.647.522
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	21.592.897.856	31.826.359.451

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Kim Phượng



Mai Thị Thu Vân




Phạm Thị Cẩm Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho năm 2016****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 9 ngày 18 tháng 09 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam

Tên Tiếng Anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 589.993.370.000 đồng

(Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08 39 404 271/125

Fax : 08 39 404 711

Website : <http://www.vitranschart.com.vn>

Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Công ty hiện đang đăng ký chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, sàn giao dịch (Upcom) với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337

Ngày niêm yết : 26/5/2015

Ngày chính thức giao dịch : 10/6/2015

Danh sách và địa chỉ các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Thông tin về đơn vị trực thuộc

1. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng

Địa chỉ: Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

Mã chi nhánh: 0300448709-006

2. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)

Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

Mã chi nhánh: 0300448709-003

3. VP Đại diện tại Hà Nội

Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, P. Mai Dịch, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư</u> (đồng)	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty con</u>
1. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	5.500.000.000	100%	Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0309518598 Giải thể theo Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại ngày 19/09/2016 của Phòng Đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hồ Chí Minh

Danh sách và địa chỉ công ty liên kết

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư</u> (đồng)	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty liên kết</u>
1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX)	4.906.000.000	26,46%	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0306291349
2. Lĩnh vực kinh doanh			Thương mại. Dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh:			- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; - Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cân hàng hóa liên quan đến vận tải; - Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động; - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng; - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)./

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: Ngắn hạn, từ khoảng 15 ngày tới 6 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp ngày 31/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Vitranschart tại Vũng Tàu và tại Thành phố Quy Nhơn đồng thời đã hoàn tất thủ tục giải thể Công ty con (Công ty TNHH MTV Sửa chữa Tàu biển Phương Nam).
- Trong năm 2016, Công ty đã hạch toán đầy đủ lãi vay gần 127 tỷ đồng.
- Khấu hao cơ bản đội tàu: Năm 2016, Công ty hạch toán đủ 100% chi phí khấu hao cơ bản đội tàu theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Số liệu đã được trình bày phân loại lại cho phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần vận tải và thuê tàu biển Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- 1.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.
- 1.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**2.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.

2.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**3.1 Chứng khoán kinh doanh: Không phát sinh****3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.****3.3 Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc kể từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.**

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn. Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thanh lý khoản đầu tư: Phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**4.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;
- 4.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:
 - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- 5. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**
 - 5.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
 - Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
 - Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.
 - 5.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền).
 - 5.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
 - 5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.
- 6. **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:**
 - 6.1 Nguyên tắc ghi nhận:
Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
 - 6.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và các văn bản liên quan do Nhà nước quy định.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế nhận nợ tại thời điểm lập báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- 11.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 11.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- 13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- 13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
 - Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được hạch toán theo nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh thu, bao gồm toàn bộ các chi phí tập hợp được để tạo thành doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	28.976.700	89.831.718
- Tiền gửi Ngân hàng	21.563.921.156	10.570.527.733
<i>Tiền Việt Nam</i>	8.347.190.417	2.035.348.169
<i>Ngoại tệ</i>	13.216.730.739	8.535.179.564
- Các khoản tương đương tiền	-	21.166.000.000
Cộng	21.592.897.856	31.826.359.451
2. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a. <i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>37.158.303.893</i>	<i>62.334.926.393</i>
- Phải thu của khách hàng nước ngoài	31.062.023.441	51.215.246.199
- Phải thu của khách hàng trong nước	6.096.280.452	11.119.680.194
b. <i>Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	37.158.303.893	62.334.926.393
3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhà cung cấp trong nước	2.846.135.455	2.733.910.649
- Nhà cung cấp nước ngoài	26.712.111.888	24.795.322.822
Cộng	29.558.247.343	27.529.233.471
4. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a. <i>Ngắn hạn</i>	<i>21.436.489.732</i>	<i>23.637.190.162</i>
- Phải thu tạm ứng	6.775.369.906	8.061.228.425
- Ký quỹ	58.603.518	58.085.388
- Các khoản phải thu khác	14.602.516.308	15.517.876.349
b. <i>Dài hạn</i>	<i>20.101.300.000</i>	<i>1.343.341.800</i>
Cộng	41.537.789.732	24.980.531.962
5. Dự phòng phải thu khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phúc Hải	-	3.474.203.550
Công ty TNHH VTB Minh Nam	810.464.637	810.464.637
ALIZE COMMODITIES	713.944.000	713.944.000
Chi nhánh SCC	362.290.021	423.992.207
Công ty CP VTB Thu Bồn	36.838.201	-
Cộng	1.923.536.859	5.422.604.394
6. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	27.161.213.235	55.172.268.606
- Công cụ, dụng cụ	13.769.281.977	765.467.588
- Thiết bị, phụ tùng	136.000.000	299.081.568
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	41.066.495.212	56.236.817.762

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Mẫu số B09a-DN

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

7. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a. <i>Chi phí trả trước ngắn hạn:</i>	<i>10.150.503.510</i>	<i>20.333.199.683</i>
Chi phí công cụ, dụng cụ	61.896.392	71.524.830
Chi phí bảo hiểm đội tàu, CNV, hỏa hoạn	271.373.740	5.287.982.508
Chi phí phụ tùng, sửa chữa thường xuyên	9.479.453.194	14.698.850.049
Chi phí phân bổ khác	54.360.885	55.411.946
Chi phí trả trước ngắn hạn các chi nhánh	283.419.299	219.430.350
b. <i>Chi phí trả trước dài hạn:</i>	<i>14.608.103.392</i>	<i>35.047.553.673</i>
Chi phí thuê đất tại Quy Nhơn	-	3.902.952.711
Sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	14.337.240.082	22.409.234.823
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.328.547	57.007.720
Chi phí chờ phân bổ khác	85.728.531	8.474.169.684
Chi phí trả trước dài hạn các chi nhánh	165.806.232	204.188.735
Tổng cộng	24.758.606.902	55.380.753.356
8. Thuế GTGT được khấu trừ	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	14.108.822.108	9.126.776.513
Cộng	14.108.822.108	9.126.776.513
9. Thuế và khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
a. <i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	<i>120.024.505</i>	<i>3.626.199.127</i>
Thuế thu nhập cá nhân	120.024.505	3.626.199.127
Tổng cộng	120.024.505	3.626.199.127
b. <i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>267.878.284</i>	<i>294.515.651</i>
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	267.878.284	245.913.403
Thuế thu nhập cá nhân	-	48.602.248
Tổng cộng	267.878.284	294.515.651

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01/01/2016	22.756.259.963	2.564.208.272	2.797.636.984.242	5.941.105.329	2.828.898.557.806
Mua trong năm	-	553.250.000	-	-	553.250.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	375.882.831	-	-	-	375.882.831
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	14.732.456.394	55.104.000	572.634.741	70.239.324	15.430.434.459
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	8.399.686.400	3.062.354.272	2.797.064.349.501	5.870.866.005	2.814.397.256.178
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2016	13.044.048.370	2.160.685.939	1.339.918.115.674	5.205.774.790	1.360.328.624.773
Khấu hao trong năm	640.081.849	401.248.666	169.165.820.761	639.556.080	170.846.707.356
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	6.783.897.284	55.104.000	477.341.698	70.239.324	7.386.582.306
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	6.900.232.935	2.506.830.605	1.508.606.594.737	5.775.091.546	1.523.788.749.823
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	9.712.211.593	403.522.333	1.457.718.868.568	735.330.539	1.468.569.933.033
Tại ngày 31/12/2016	1.499.453.465	555.523.667	1.288.457.754.764	95.774.459	1.290.608.506.355

Ghi chú: GTCL cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 1.287.458.212.070 VND

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.461.761.978 VND

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Mẫu số B09a-DN
Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư tại ngày 01/01/2016				7.658.291.325	7.658.291.325
Mua trong năm				-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành				-	-
Tặng khác				352.849.990	352.849.990
Thanh lý, nhượng bán				-	-
Giảm khác				-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016				8.011.141.315	8.011.141.315
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2016				5.677.383.116	5.677.383.116
Khấu hao trong năm				1.264.764.943	1.264.764.943
Đầu tư XDCB hoàn thành				-	-
Tặng khác				-	-
Thanh lý, nhượng bán				-	-
Giảm khác				-	-
Số dư tại ngày 31/12/2016				6.942.148.059	6.942.148.059
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	1.980.908.209	1.980.908.209
Tại ngày 31/12/2016	-	-	-	1.068.993.256	1.068.993.256

Ghi chú: Số liệu lấy từ bảng cân đối phát sinh, đã đối chiếu với bảng cân đối kế toán và sổ chi tiết.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		Số cuối năm	Số đầu năm
- Tập hợp chi phí XDCB 428 Nguyễn Tất Thành		625.985.288	764.169.208
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		5.892.784.697	1.753.021.430
Cộng		6.518.769.985	2.517.190.638
13. Đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ nắm giữ	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Đầu tư vào công ty con		-	5.500.000.000
CT TNHH SC tàu biển Phương Nam (SSR)	100%	-	5.500.000.000
b. Đầu tư vào công ty liên doanh		4.906.000.000	4.906.000.000
CT CP CUDV Hàng hải và XNK Phương Đông	26,46%	4.906.000.000	4.906.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(659.857.000)	-
c. Đầu tư dài hạn khác		2.000.000.000	2.000.000.000
CT TNHH Lancaster Tân Thuận	10%	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng		6.246.143.000	12.406.000.000
14. Tài sản dài hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và là khoản tính thuế chưa sử dụng		219.702.343.782	154.633.600.000
Cộng		219.702.343.782	154.633.600.000
15. Phải trả người bán		Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn			
COCKETT MARINE OIL (ASIA) PTE LTD		18.413.408.872	16.600.140.232
Phải trả người bán trong nước		50.512.686.867	50.229.149.342
Phải trả người bán nước ngoài		35.817.523.641	29.093.904.232
Cộng		104.743.619.380	95.923.193.806
b. Dài hạn			
Tiền thuê đất tại Quy Nhơn		-	500.000.000
Cộng		-	500.000.000
16. Người mua trả tiền trước		Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn nước ngoài		342.141.614	877.080.643
Người mua trả tiền trước ngắn hạn trong nước		8.300.000	6.078.735.616
Cộng		350.441.614	6.955.816.259
17. Chi phí phải trả ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
VTC - cảng phí nước ngoài		18.691.961.718	15.272.205.297
Tiền ăn của thuyền viên		3.956.906.560	3.900.921.955
Trích trước phân bổ CP SCL, khác		3.805.646.435	5.971.127.192
Trung tâm ĐT MG & XK TVPN (SCC)		175.434.013	130.946.495
CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn		-	11.090.000
CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng		-	20.000.000
Cộng		26.629.948.726	25.306.290.939

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Mẫu số B09a-DN

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu nhận trước	26.749.652.000	31.223.350.561
Cộng	26.749.652.000	31.223.350.561
19. Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải trả ngắn hạn khác		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.063	27.756.915
- Kinh phí công đoàn	7.609.994.033	7.864.890.605
- Bảo hiểm xã hội	5.610.962.749	3.241.695.222
- Bảo hiểm y tế	123.994.389	174.158.751
- Bảo hiểm thất nghiệp	114.520.213	109.796.229
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.370.437.639	9.954.669.637
Cộng	40.829.910.086	21.372.967.359
b. Phải trả dài hạn khác		
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu Phoenix	8.404.589.178	8.404.589.178
Cộng	8.404.589.178	8.404.589.178
20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	1.618.429.665	1.837.142.595
Quỹ phúc lợi	902.484.999	760.196.099
Cộng	2.520.914.664	2.597.338.694

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21. Vay và nợ thuế tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn (*)				
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam	127.794.282.144	127.794.282.144	157.008.170.587	157.008.170.587
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	108.814.103.702	108.814.103.702	134.608.520.047	134.608.520.047
	18.980.178.442	18.980.178.442	22.399.650.540	22.399.650.540
b. Vay dài hạn				
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam	1.356.654.912.312	1.356.654.912.312	1.377.812.406.111	1.377.812.406.111
- Trên 3 năm đến 5 năm	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000
NH TMCP Á Châu	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	440.013.109.140	440.013.109.140	438.288.612.913	438.288.612.913
NH Phát triển Việt Nam - SGD II	440.013.109.140	440.013.109.140	438.288.612.913	438.288.612.913
- Trên 3 năm đến 5 năm	41.446.000.000	41.446.000.000	41.476.000.000	41.476.000.000
NH Phát triển VN - CN Hải Phòng	41.446.000.000	41.446.000.000	41.476.000.000	41.476.000.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	291.946.600.000	291.946.600.000	292.366.600.000	292.366.600.000
NH TMCP Bảo Việt	291.946.600.000	291.946.600.000	292.366.600.000	292.366.600.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	278.085.707.244	278.085.707.244	276.394.020.000	276.394.020.000
NH TMCP VCB - CN TP.HCM	278.085.707.244	278.085.707.244	276.394.020.000	276.394.020.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	107.049.666.928	107.049.666.928	105.753.916.198	105.753.916.198
	107.049.666.928	107.049.666.928	105.753.916.198	105.753.916.198

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

NH TMCP VCB - CN Bình Tây	62.181.054.000	62.181.054.000	61.428.402.000	61.428.402.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	62.181.054.000	62.181.054.000	61.428.402.000	61.428.402.000
NH Natixis	-	-	134.705.480.000	134.705.480.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	-	-	134.705.480.000	134.705.480.000
Công ty mua bán nợ (DATC)	108.533.400.000	108.533.400.000	-	-
- Trên 3 năm đến 5 năm	108.533.400.000	108.533.400.000	-	-
Cộng	1.484.449.194.456	1.484.449.194.456	1.534.820.576.698	1.534.820.576.698

c.

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Nợ khác:	-	481.880.833.226	-	356.140.719.669
Lãi vay dài hạn đã tạm trích, chưa phải trả		481.880.833.226		356.140.719.669

Chi tiết Hợp đồng vay ngắn hạn:

1. Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB):

- Vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TPHCM : Hợp đồng tín dụng hạn mức số 176/2014/HĐTDHM-VTC ngày 15/07/2014.

2. Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

- Vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Hợp đồng 529914/VPB-Viranschart ngày 26/5/2014, hạn mức 32 tỷ. Phụ lục hợp đồng thể chấp PLHDDTC/02 ngày 26/5/2014, cầm cố bằng toàn bộ cổ phần của Cty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông là 490.600 cổ phiếu theo Hợp đồng cầm cố số 1305400015/HĐTC/VPB02 ngày 22/3/2013.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiết Hợp đồng vay dài hạn:

1. Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB):

- Vay dài hạn mua tàu VTC Phoenix : tài sản thế chấp là tàu VTC Phoenix, lãi suất vay là (lãi suất huy động 13 tháng + 3,2%)/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2008 đến năm 2015, được kéo dài thời gian vay đến tháng 7/2020.

Phụ lục HĐTD số 89/07/07/HCM/PL 06 ngày 17/7/2013 sửa đổi Hợp đồng số 89/07/HCM ngày 02/01/2007.

2. Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB):

- Vay dài hạn mua tàu VTC Sun: Tài sản thế chấp là tàu VTC Sun, thời hạn vay 8 năm từ năm 2008 đến 2016, được kéo dài đến tháng 7/2021, lãi suất điều chỉnh sau khi cơ cấu nợ gốc: (lãi suất huy động 13 tháng + 4,5%)/năm (thay đổi định kỳ 3 tháng/lần) và lãi suất sau thay đổi không thấp hơn 6%/năm.

- Vay dài hạn mua tàu VTC Planet: Tài sản thế chấp là tàu VTC Planet, lãi suất vay theo hợp đồng: (Lãi suất huy động 13 tháng + 3,5%)/năm, thời hạn vay là 8 năm từ năm 2008 đến năm 2016, được kéo dài đến tháng 11/2021.

Hợp đồng số 41222579/SĐBS -05 ngày 27/6/2013, Hợp đồng số 41222579/SĐBS-06 ngày 21/5/2013, Hợp đồng số 41222579/SĐBS-07 ngày 20/06/2013 sửa đổi HĐTD trung dài hạn số 41222579 ngày 28/5/2008 và Hợp đồng tín dụng hạn mức SGD.DN.01130312/MMLC.

3. Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Hà Nội:

- Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01261206/01TDN/SĐBS -4 ngày 25/5/2013 sửa đổi bổ sung HĐTD trung dài hạn số 01261206/01TDN ngày 21/1/2007.

4. Vay dài hạn Sở giao dịch 2 ngân hàng phát triển VN:

- Vay dài hạn đóng tàu Viễn Đông 5 : Tài sản thế chấp là tàu Viễn Đông 5, lãi suất vay là 6,6%/năm, thời hạn vay 12 năm từ năm 2005 đến năm 2017, được kéo dài thời gian vay đến tháng 8/2020.

5. Vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hải Phòng:

- Vay dài hạn đóng tàu Viễn Đông 3 : Tài sản thế chấp là tàu Viễn Đông 3, lãi suất vay là 3%/năm, thời hạn vay 12 năm từ năm 2003 đến năm 2015, được kéo dài thời gian vay đến tháng 6/2018.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

- Vay dài hạn đóng tàu VTC Dragon : Tài sản thế chấp là tàu VTC Dragon, lãi suất vay là 6,6%/năm, thời hạn vay 12 năm từ năm 2005 đến 2017, được kéo dài thời gian vay đến tháng 11/2020.
- Vay dài hạn đóng tàu VTC Phoenix : Tài sản thế chấp là tàu VTC Phoenix, lãi suất vay là 7,8%/năm áp dụng cho khoản nợ gốc: 23,992 tỷ và 9%/năm áp dụng cho khoản nợ gốc: 114 tỷ, thời hạn vay 12 năm từ năm 2006 đến năm 2018, được kéo dài thời gian vay đến tháng 11/2021.
- 6. Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt-CN TP Hồ Chí Minh:
 - Vay dài hạn mua tàu VTC Glory : Tài sản thế chấp là tàu VTC Glory, lãi suất vay là (lãi suất huy động 12 tháng + 3,5%)/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2010 đến 2018, được kéo dài thời gian vay đến tháng 6/2020.
Phụ lục số 1007968.10.PL01.HĐTD.HCM ngày 21/6/2012.
- 7. Vay dài hạn NH Ngoại thương Việt Nam-CN TP Hồ Chí Minh:
 - Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 02/11/2011 (đính kèm Hợp đồng tín dụng số 0800/KH/10NH) : Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Lãi suất cho vay trong hạn theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Kỳ tính lãi vay hàng tháng từ ngày 26 tháng trước đến hết ngày 25 của tháng tiếp theo; Trả lãi vay phát sinh mỗi tháng 01 lần vào ngày 26.
(*) Công ty đã chuyển khoản nợ vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Tp. HCM thành khoản vay dài hạn do cho rằng khoản nợ vay này đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Tp. HCM bán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam - VAMC.
- 8. Vay dài hạn NH Ngoại thương Việt Nam-CN Bình Tây:
 - Vay dài hạn mua tàu VTC Ocean: Tài sản thế chấp là tàu VTC Ocean, lãi suất vay là (lãi suất huy động 12 tháng + 2,5%)/năm, thời hạn vay 7 năm từ năm 2009 đến 2016, được kéo dài thời gian vay đến 1/2018.
- 9. Vay dài hạn Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC)- Chi nhánh Hồ Chí Minh:
 - Là khoản vay được chuyển lại từ Ngân hàng Natixis- Chi nhánh Hồ Chí Minh nhằm mục đích vay dài hạn mua tàu VTC Globe: Tài sản thế chấp là tàu VTC Globe, lãi suất vay là (Libor 3 tháng + 1,85%)/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2007 đến năm 2015, được kéo dài thời gian trả nợ đến tháng 1/2018.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Mẫu số B09a-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.898.917.929	(616.102.114.707)	(11.459.254.286)
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	1.387.088.528	-	1.387.088.528
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	1.351.022.692	193.587.530.226	193.587.530.226
					-	1.351.022.692
2. Số dư cuối năm trước	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.934.983.765	(809.689.644.933)	(205.010.718.676)
3. Số dư đầu năm nay	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.934.983.765	(809.689.644.933)	(205.010.718.676)
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (*)	-	-	-	570.000.000	-	570.000.000
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	262.645.339.655	262.645.339.655
- Giảm khác (*)	-	-	-	448.186.225	-	448.186.225
4. Số dư cuối năm	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	5.056.797.540	(1.072.334.984.588)	(467.534.244.556)

B.	Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	60,00%	354.000.000.000	354.000.000.000
	Cổ đông khác	40,00%	235.993.370.000	235.993.370.000
	Cộng		589.993.370.000	589.993.370.000
C.	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:			
			Số cuối năm	Số đầu năm
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
	Vốn góp đầu năm		589.993.370.000	589.993.370.000
	Vốn góp cuối năm		589.993.370.000	589.993.370.000
	Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-	-
D.	Cổ phiếu		Số cuối năm	Số đầu năm
	- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		58.999.337	58.999.337
	- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng		58.999.337	58.999.337
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		58.999.337	58.999.337
	+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
	- Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
	- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		58.999.337	58.999.337
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		58.999.337	58.999.337
	+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-
	* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu		
E.	Các quỹ doanh nghiệp		Số cuối năm	Số đầu năm
	Quỹ đầu tư phát triển		9.662.314.492	9.662.314.492
	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.056.797.540	4.934.983.765
VI.	Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh (ĐVT: đồng)			
1.	Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm nay	Năm trước
	Doanh thu bán hàng hóa		14.876.730.804	15.381.949.770
	Doanh thu cung cấp dịch vụ		587.685.037.921	786.069.054.319
	Doanh thu hoạt động KD khác		640.379.032	284.940.000
	Cộng		603.202.147.757	801.735.944.089
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		Năm nay	Năm trước
	+ Giảm giá hàng bán		9.388.027.820	15.251.178.632
	Cộng		9.388.027.820	15.251.178.632
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		593.814.119.937	786.484.765.457
4.	Giá vốn hàng bán		Năm nay	Năm trước
	Giá vốn hàng hóa đã bán		14.727.232.497	15.184.443.846
	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		738.538.273.682	896.177.457.435

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Giá vốn của hoạt động KD khác	502.491.326	560.608.480
Cộng	753.767.997.505	911.922.509.761
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia	402.521.973	1.146.657.441
Thu hồi, thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	-	5.406.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.501.484.761	4.382.999.752
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.873.293.130	4.382.999.752
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	7.628.191.631	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	560.179.874	389.818.182
Cộng	12.464.186.608	11.325.475.375
6. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	126.676.991.765	57.732.969.657
Chi phí thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	-	5.322.181.818
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.322.774.407	76.328.796.932
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.596.890.913	27.280.088.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	17.725.883.494	49.048.708.787
Chi phí tài chính khác	659.857.000	(280.642.867)
Cộng	146.659.623.172	139.103.305.540
7. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng môi giới	4.592.489.359	8.124.461.509
Cộng	4.592.489.359	8.124.461.509
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	20.341.365.840	24.270.673.380
Chi phí vật liệu quản lý	197.107.712	297.734.876
Chi phí đồ dùng văn phòng	164.885.410	83.844.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.651.272.436	2.637.980.037
Thuế, phí và lệ phí	593.913.838	807.752.043
Chi phí dự phòng	48.295.357	1.120.370.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.366.350.462	3.659.527.504
Chi phí bằng tiền khác	12.941.747.427	13.015.500.642
Cộng	39.304.938.482	45.893.383.730
9. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	381.353.048	129.593.882.410
Thu nhập khác	13.306.470.548	72.944.290.014
Thu nhập từ đối tác vi phạm hợp đồng	-	100.000.000
Thu nhập khác	13.306.470.548	72.844.290.014
Cộng	13.687.823.596	202.538.172.424

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định	-	95.616.110.299
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	36.920.000
Chi phí khác	3.332.599.429	(6.760.747.357)
Các khoản chậm thanh toán	-	1.893.924.535
Chi phí còn sót của TSCĐ đã nhượng bán	440.056.785	8.358.675.903
Chi phí khác	2.892.542.644	(17.013.347.795)
Cộng	3.332.599.429	88.892.282.942
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(327.691.517.806)	(193.587.530.226)
- Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	-	(453.165.000)
+ Điều chỉnh tăng	-	-
+ Điều chỉnh giảm	-	453.165.000
Tổng lợi nhuận chịu thuế	112.828.156	(194.040.695.226)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Số điều chỉnh giảm thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN phải nộp	22.565.631	-
12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(262.645.339.655)	(193.587.530.226)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(262.645.339.655)	(193.587.530.226)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	58.999.337	58.999.337
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(4.452)	(3.281)
13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.227.555.249	273.631.693.815
Chi phí nhân công	201.527.715.129	208.301.270.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.111.472.299	204.780.958.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.101.910.534	68.473.562.812
Chi phí khác bằng tiền	148.696.772.135	210.752.868.754
Cộng	797.665.425.346	965.940.355.000

VII. Báo cáo bộ phận

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Cho năm 2016

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển Đồng	Hoạt động kinh doanh dịch vụ Đồng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp Đồng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	445.902.060.367	147.912.059.570	593.814.119.937
Chi phí bộ phận trực tiếp	618.460.468.883	135.307.528.622	753.767.997.505
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>(172.558.408.516)</u>	<u>12.604.530.948</u>	<u>(159.953.877.568)</u>
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.720.910.137.656	19.212.269.414	1.740.122.407.070
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	<u>1.720.910.137.656</u>	<u>19.212.269.414</u>	<u>1.740.122.407.070</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.191.893.194.054	15.763.457.572	2.207.656.651.626
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	<u>2.191.893.194.054</u>	<u>15.763.457.572</u>	<u>2.207.656.651.626</u>

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế Đồng	Trong nước Đồng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp Đồng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	410.093.585.224	183.720.534.713	593.814.119.937
Tài sản bộ phận	-	-	1.740.122.407.070
Nợ phải trả bộ phận	54.230.932.513	2.153.425.719.113	2.207.656.651.626

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VIII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn Cổ phần trừ (-) di sản phiếu quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	21.592.897.856	21.592.897.856
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	108.254.340.968	106.330.804.109

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	Số dư ngày 31/12/2016
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	1.966.300.027.682
Phải trả người bán	104.743.619.380
Phải trả khác	49.234.499.264

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	104.743.619.380	-	104.743.619.380
Vay và nợ ngắn hạn	127.794.282.144	-	127.794.282.144
Vay và nợ dài hạn	-	1.838.505.745.538	1.838.505.745.538
Phải trả khác	40.829.910.086	8.404.589.178	49.234.499.264

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

1.4 Tài sản đảm bảo

- Đối với khoản vay ngắn hạn: Xem thuyết minh số 21.
- Đối với khoản vay dài hạn: Xem thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 21.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Tại kỳ Báo cáo này, đơn vị thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp theo yêu cầu của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Số liệu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm trước (2015) do đơn vị lập.

4. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

5. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1. Bộ trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bộ trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	89,58%	87,97%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	10,42%	12,03%
1.2. Bộ trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	126,87%	110,76%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	-26,87%	-10,76%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	0,79	0,90
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,50	0,62
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,39	0,47
3. Tỷ suất sinh lời	Năm nay	Năm trước
3.1. Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-55,18%	-24,61%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-44,23%	-24,61%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-18,83%	-10,16%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-15,09%	-10,16%

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc





Lê Kim Phượng

Mai Thị Thu Vân

Phạm Thị Cẩm Hà

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký tên và đóng dấu)



Phạm Thị Cẩm Hà